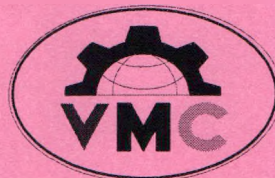


TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021

Quảng Ninh, tháng 4 năm 2021

DANH MỤC
TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

TT	TÊN TÀI LIỆU	SỐ TRANG
1	Chương trình Đại hội	02
2	Dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội	
3	Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương án kinh doanh năm 2021.	
4	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác trong năm 2020	
5	Báo cáo thẩm định báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.	
6	Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong năm 2020	
7	Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán kết quả kinh doanh của Công ty năm 2021.	
8	Trình bày Tờ trình phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020.	
9	Tờ trình Báo cáo tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020. Đề xuất tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021.	
10	Tờ trình về việc sửa đổi, ban hành: Điều lệ công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.	

Số: 999 /CTr-VMC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN

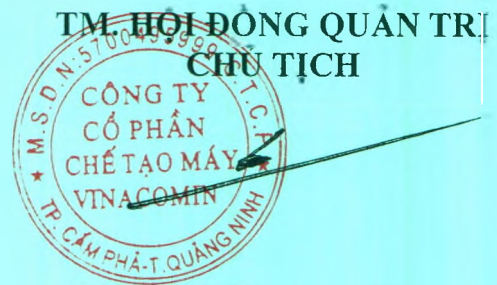
Từ: 8h00 ngày 27/4/2021

TT	Nội dung
1	Đăng ký cổ đông, phát thẻ biểu quyết
2	Ôn định tổ chức, Chào cờ hát quốc ca
3	Đọc lời khai mạc Đại hội và giới thiệu đại biểu
4	Mời Chủ tọa lên điều hành Đại hội
5	Cử Thư ký Đại hội, tổ giúp việc thư ký và đề cử Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
6	Tờ trình Quy chế, chương trình làm việc của Đại hội.
8	Biểu quyết thông qua Quy chế, chương trình Đại hội.
9	Ban thẩm tra tư cách Cổ đông đọc báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.
10	Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương án kinh doanh năm 2021.
11	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác trong năm 2020
12	Trình bày Báo cáo thẩm định báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.
13	Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong năm 2020
14	Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán kết quả kinh doanh của Công ty năm 2021.
15	Tờ trình phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020.
16	Tờ trình Báo cáo tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020. Đề xuất tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021.

TT	Nội dung
17	Tờ trình về việc sửa đổi, ban hành Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát
18	Thảo luận của các cổ đông về các nội dung do HĐQT và BKS trình bày
19	Ý kiến của Chủ tọa Đại hội về tiếp thu các ý kiến của các cổ đông
20	Biểu quyết thông qua các nội dung do HĐQT và BKS trình bày
21	Trình bày Dự thảo biên bản, nghị quyết Đại hội
22	Thảo luận và Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội
23	Bế mạc Đại hội

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, ĐU (e-copy, b/c);
- BGD, BKS (e-copy);
- Website: chetaomay.com.vn (e-copy);
- Lưu: Thư ký Công ty, VT.



Nguyễn Văn Tử

Số: 880 /QC-VMC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể điều kiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội và thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN (Công ty) có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Tính hiệu lực

Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

Chương II: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 4. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN do Trung tâm Lưu ký chứng khoán cung cấp.

Chương III:

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty theo danh sách cổ đông do Công ty đăng ký hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

Điều 6. Quy định về Ủy quyền

1. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp: Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có: Chữ ký của cổ đông đó và cá nhân được ủy quyền dự họp; hoặc Chữ ký của cổ đông đó và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Tổ chức được ủy quyền dự họp phải có Giấy giới thiệu cho nhân viên tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân được ủy quyền dự họp; hoặc chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Tổ chức được ủy quyền dự họp phải có Giấy giới thiệu cho nhân viên tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Các trường hợp: Giấy ủy quyền được lập thành văn bản không theo mẫu của Công ty sẽ do Chủ tọa Đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy ủy quyền đó.

3. Một người có thể làm đại diện theo ủy quyền cho một hoặc nhiều cổ đông.

4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội

1. Quyền của các cổ đông tham dự đại hội: Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp đại hội bằng văn bản ủy quyền theo mẫu của Công ty; Khi tham dự cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên, mỗi cổ đông/ đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều nhận được các phiếu biểu quyết có ghi số cổ phần tương ứng với số phiếu bầu của mình đối với các vấn đề thảo luận tại cuộc họp; Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty; Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội; Được phát các tài liệu nội dung, chương trình Đại hội kèm theo; Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội: Tuân thủ đúng theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này; Khi cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội và xuất trình các giấy tờ sau:

a) Thư mời tham dự Đại hội (nếu có). Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Giấy ủy quyền họp lệ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội), nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội; Phát biểu dưới sự điều hành của Chủ tọa Đại hội và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội; Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội. Tự túc về các chi phí để tham dự đại hội (như phương tiện đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi...).

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban thư ký

1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội: Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT hoặc trưởng BKS, Đại diện nhóm cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp làm Chủ tọa tiến hành điều khiển Đại hội; Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất; Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự; Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội; Chủ tọa chỉ định Ban thư ký Đại hội; Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng: Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Thời gian hoãn tối đa không quá 3 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký: Đại hội Ban thư ký có chức năng lập Biên bản đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu: Bao gồm 01 Trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Ban kiểm phiếu: Có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và tổ chức kiểm phiếu.

3. Ban kiểm phiếu: Có trách nhiệm lập biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.

4. Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải làm trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Chương IV: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Nội dung tiến hành Đại hội

Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác trong năm 2020
3. Báo cáo thẩm định báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Ban Kiểm soát.
4. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong năm 2020
5. Báo cáo lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập sẽ kiểm toán kết quả kinh doanh của Công ty năm 2021.
6. Phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020.
7. Báo cáo tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020. Đề xuất tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021.
8. Thông qua việc sửa đổi, ban hành Điều lệ công ty, các quy chế, quy định của Công ty phù hợp với quy định hiện hành.
9. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 11. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội tùy trường hợp sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

1. Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu

a) Việc biểu quyết các nội dung họp: Sẽ được thực hiện dựa trên nguyên tắc một cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với một Phiếu biểu quyết và sẽ được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín. Nội dung biểu quyết ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được Cổ đông/Người được ủy quyền của Cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn một (01) trong ba (03) phương án: Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến.

b) Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau: Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu được niêm phong.

c) Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm: Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không có dấu của Công ty; Phiếu bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa; Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu; Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phân biểu quyết đó không hợp lệ. Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phân biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

d) Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi: Phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

2. Biểu quyết trực tiếp: Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết quy định tại Khoản 1, Điều 11 trên đây. Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Phiếu biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

3. Áp dụng công nghệ thông tin trong kiểm phiếu: Đảm bảo tính chính xác, kịp thời trong việc ghi nhận, tổng hợp thông tin, số liệu và tạo sự thuận tiện cho các Cổ đông thì việc ghi nhận đăng ký tham dự, ghi nhận ý kiến biểu quyết và tập hợp thông tin, số liệu sẽ được thông qua hệ thống máy tính và phần mềm được thiết kế phù hợp với các nguyên tắc biểu quyết.

4. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.

Điều 12. Quy định việc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu

1. Tổ chức kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng kín ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban kiểm phiếu không gach xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ ghi kết quả biểu quyết vào biên bản Đại hội, bao gồm: Số phiếu biểu quyết “Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến; Không hợp lệ.” Tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng với số phiếu biểu quyết “Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến; Không hợp lệ” trên tổng số phiếu thu về. Trường hợp Cổ đông đại diện của Cổ đông có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

2. Công bố kết quả kiểm phiếu: Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đọc biên bản kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 13. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có quyền tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội và khi phát biểu ý kiến phải giơ Phiếu biểu quyết và được sự chấp thuận của Chủ tọa đại hội. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có thể đăng ký nội dung phát biểu tại Đại hội với đoàn Chủ tịch qua Thư ký Đại hội bằng phiếu đặt câu hỏi. Khi Chủ tọa chỉ định ai thì người đó phát biểu và Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của Cổ đông nếu thấy cần thiết. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và không được đề xuất các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được Cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

Điều 14. Thông qua quyết định tại Đại hội

Các vấn đề của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội với tỷ lệ theo quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp; Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thực hiện biểu quyết đề đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến đối với những vấn đề phải thông qua trong Đại hội theo quy định tại Điều 11 Quy chế này. Trong nội dung phiếu biểu quyết không đánh dấu vào nội dung nào coi như không có ý kiến.

Chương V: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 15. Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội cổ đông được Thư ký Đại hội lập thành biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Điều 16. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương VI: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 17. Trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông không thành

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 4 Quy chế này, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (30) ba mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1, Điều này, thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn (20) hai mươi ngày, kể từ

ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

Điều 18. Một số quy định khác:

Sau cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết thực hiện tốt phương án sản xuất kinh doanh cùng các vấn đề được thông qua tại Đại hội và tuyên bố bế mạc Đại hội.

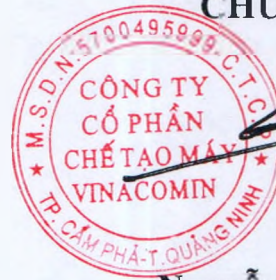
Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành Quy chế này bao gồm 7 (bảy) Chương, 19 Điều, có hiệu lực ngay khi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/4/2021./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (e-copy);
- Ban chỉ đạo ĐH (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký. *Vhl*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỌA**



Nguyễn Văn Tứ

Số: 881 /BC-VMC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/4/2020 đã quyết nghị, Công ty đã triển khai đạt được các kết quả như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.1. Thuận lợi

- Về việc làm: Tập đoàn TKV sớm thông qua kế hoạch phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên và kế hoạch đầu tư thiết bị duy trì sản xuất; Các đơn vị thành viên thực hiện nghiêm túc kế hoạch phối hợp kinh doanh tạo điều kiện cho Công ty nhận được các thiết bị vào sửa chữa trong đời đều ngay từ đầu năm; Công ty đã ký kết được các hợp đồng chế tạo phụ tùng, thiết bị với các nhà máy cán thép của Tập đoàn Hòa Phát, chế tạo thiết bị phụ tùng cho Dự án Nhà máy sàng tuyển Khe Châm.

- Sự lãnh đạo nhất quán của Đảng ủy, HĐQT; Sự phối hợp đồng bộ giữa Ban Giám đốc với các tổ chức đoàn thể quần chúng Công đoàn, Thanh niên, Hội cựu chiến binh tạo ra sức mạnh tổng hợp, khối đoàn kết thống nhất trong hệ thống chính trị, đồng thuận, tin tưởng của người lao động đã thực hiện tốt các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh và đời sống.

- Công ty ban hành các giải pháp điều hành, các biện pháp tiết kiệm chi phí ngay từ đầu năm để các bộ phận triển khai thực hiện. Duy trì dây chuyền cán thép vì lò hoạt động ổn định đạt công suất theo thiết kế góp phần tăng doanh thu của Công ty;

1.2. Khó khăn

Công ty tiếp tục gặp những khó khăn trong sản xuất kinh doanh đó là:

- Phần lớn máy móc thiết bị đã hoạt động lâu năm, độ chính xác và năng suất thấp, chất lượng sản phẩm không cao; Các mặt quản lý, ý thức, năng lực trình độ của CB, CN, người lao động tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề ở nhiều khâu, từ sửa chữa thiết bị đến gia công cơ khí còn thiếu.

- Ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 tới việc tiến độ cung cấp một số vật tư, phụ tùng phục vụ sản xuất, đặc biệt là công tác SCL thiết bị.

- Tình hình tài chính đã được cải thiện tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình sản xuất;

- Thị trường các sản phẩm cơ khí trong và ngoài ngành vẫn diễn ra cạnh tranh gay gắt, trong lúc đó khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp; Giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào tiếp tục có sự biến động.

II. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020

2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH 2020	TH 2019	TH 2020	So KH 2020 (%)	So cùng kỳ 2019 (%)
1	Doanh thu	tr.đ	1.389.000	1.501.300	1.494.692	107,61	99,56
2	Chi phí sản xuất	tr.đ	1.378.700	1.487.082	1.482.572	107,53	99,70
3	Giá trị sản xuất	tr.đ	466.000	525.066	538.930	115,65	102,64
4	Lao động bình quân	người	870	860	860	98,85	100
5	Tổng quỹ tiền lương	tr.đ	86.742	98.707	99.208	114,37	100,51
6	Tiền lương bình quân	Nghìn đ/đ/th	8.309	9.429	9.478	114,07	100,52
7	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	10.300	14.219	12.143	118	85,4
8	Cổ tức	%	10	10	10	100	100
9	Giá trị các dự án đầu tư	tr.đ	19.944	29.463	17.602	88	59,74
10	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn CSH	%		11,95	15,64		130,88
11	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn Điều lệ	%		14,9	20,64		138,52
12	Nợ ngắn hạn	Tr.đ		413.660	458.197		110,77
	- Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn.			174.405	182.303		104,53
13	Nợ dài hạn	Tr.đ		23.929	27.245		113,86
	- Trong đó: Vay và nợ dài hạn.			20.320	24.200		119,09
14	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn (=TSNH/NNH)			0,71	0,77		108,45

(Số liệu cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo).

2.1.2. Về sản phẩm chủ yếu

* Sửa chữa thiết bị mờ:

Tổng số thiết bị sửa chữa hoàn thành trong năm 2020 đạt 62 thiết bị/KH 56 máy, bằng 111% KH đầu năm, bằng 94% so với cùng kỳ năm 2019.

* Chế tạo thiết bị, phụ tùng:

Tổng khối lượng chế tạo thiết bị năm 2020 đạt: đạt 1.134 tấn/KH 1.500 tấn, bằng 76% KH năm, trong đó:

- Thiết bị ngành than: đạt 325 tấn/600 tấn, bằng 54% KH năm, trong đó: Chế tạo cột chống thủy lực các loại đạt 6.235 cột/KH 6.000 cột, bằng 104% KH năm;

- Thiết bị theo dự án trong TKV: đạt 482 tấn/400 tấn, bằng 121% KH năm, chủ yếu là từ việc hoàn thành chế tạo các thiết bị, kết cấu thép cho Nhà máy Sàng tuyển than Khe Châm;

- Chế tạo thiết bị cho ngành khác: đạt 327 tấn/500 tấn, bằng 65% KH năm. Mặc dù sản lượng không đạt kế hoạch do bị ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, nhưng đây là một trong những sự cố gắng rất lớn của Công ty trong năm 2020 để trúng thầu chế tạo các phụ tùng, thiết bị cho Nhà máy cán thép Dung Quất của Tập đoàn Hòa Phát, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho các PX chế tạo kết cấu, cơ khí.

** Chế tạo, phục hồi phụ tùng:*

+ Chế tạo phụ tùng ngành than: đạt 311 tấn/KH 600 tấn, bằng 52% KH năm;

+ Phục hồi phụ tùng: đạt 414 tấn/KH 500 tấn, bằng 83% KH năm;

+ Về chế tạo phụ tùng cho ngành khác: đạt 424 tấn/KH 500 tấn, đạt 85% kế hoạch năm.

Nguyên nhân sản lượng chế tạo, phục hồi phụ tùng không đạt theo kế hoạch do khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm đạt thấp (các loại răng gầu, thành gầu máy xúc giá thành sản xuất còn cao hơn so với các đơn vị ngoài TKV...);

** Sản xuất thép cán và vít chống lò:*

+ Sản xuất thép cán đạt: 80.848 tấn/KH 71.000 tấn, bằng 114% KH năm và tăng 8% so với năm 2019; trong đó bán ra đạt 45.659 tấn/KH 40.500 tấn, bằng 113% KH năm.

+ Chế tạo vít lò đạt: 34.891 tấn/KH 30.000 tấn, bằng 116% KH năm, tăng 14% cùng kỳ 2019.

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp để tăng sản lượng đáp ứng nhu cầu sản xuất của các đơn vị. Tuy giá thép lò năm 2020 giảm sâu so với cùng kỳ năm 2019 (giá bình quân năm 2019 là 14.299 đ/kg, năm 2020 là 13.450 đ/kg, chênh lệch 849 đ/kg tương đương với giảm giá trị doanh thu gần 80 tỷ đồng) song do sản lượng đạt cao nên góp phần hoàn thành chỉ tiêu doanh thu trong năm 2020.

2.1.3. Lợi nhuận:

Lợi nhuận năm 2020 đạt 12,143 tỷ/KH 10,3 tỷ đồng, đạt 118%.

2.1.4. Lao động và tiền lương:

Công ty đã thực hiện tinh giản lao động quản lý, phục vụ phụ trợ, đảm bảo ổn định việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Lao động bình quân 860 người/định mức 870 người, bằng 99%; Tiền lương bình quân đạt 9.613.000/KH 8.309.000 đồng/người/tháng, đạt 115% KH năm.

2.2. Đánh giá thực hiện các mặt công tác

2.2.1. Công tác thị trường, tìm kiếm việc làm

Trong năm Công ty đã đẩy mạnh công tác phát triển thị trường. Ngoài những công việc đã được chuẩn bị từ năm 2019, Công ty đã tăng cường các biện pháp điều hành quản lý để tăng cường công tác thị trường, đạt được những kết quả khả quan:

- Đã đáp ứng nhu cầu việc làm ở mức cao cho toàn thể người lao động;

- Về cơ bản, đã duy trì thị trường về những sản phẩm thế mạnh của Công ty đã được Tập đoàn TKV phân công thị trường trong hợp đồng phối hợp kinh doanh như sửa chữa thiết bị mô, sản xuất vì công lò,....;

- Đã được nhận thầu, ký kết, thực hiện các hợp đồng chế tạo phụ tùng, thiết bị với các nhà máy cán thép của Tập đoàn Hoa Phát, chế tạo thiết bị phụ tùng cho Dự án Nhà máy sàng tuyển Khe Châm, sửa chữa các thiết bị ngoài kế hoạch phối hợp kinh doanh với các đơn vị trong TKV;

- Tập trung vào phát triển ổn định sản phẩm chủ lực là cán thép vì lò đồng bộ 4 loại sản phẩm chính, tạo ra sản phẩm chủ lực cho Công ty;

Tuy nhiên, công tác thị trường, tìm kiếm việc làm cũng còn không ít hạn chế: chưa có giải pháp hiệu quả để khắc phục giảm thị phần cột công, giá khung; chưa có thêm công trình dự án lớn để tạo cân đối việc làm trung hạn như các năm trước,...vv.

2.2.2. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

Trong năm 2020, Công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất đã thực hiện kiểm điểm, đánh giá cụ thể và giải quyết các công việc chậm trễ, tồn đọng, nâng cao hiệu quả hợp giao ban sản xuất đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, quyết liệt, từ đó đã thực hiện tốt tiến độ, chất lượng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm trọng tâm: vì công lò, cán thép lò, sửa chữa thiết bị,...vv.

Tuy nhiên, kết quả công tác chỉ đạo điều hành một số hạn chế:

- Tiến độ sửa chữa một số thiết bị mô bị chậm, làm tăng chi phí đi lại, chi phí vận chuyển, nâng tải, làm giảm hiệu quả sản xuất.

- Công tác điều hành, phối hợp công việc nội bộ có lúc còn lung tung, đã có những giải pháp quyết liệt nhưng hiệu quả đạt được chưa cao, chưa phân định rõ trách nhiệm khi công việc bị chậm hoặc không đạt kế hoạch điều hành, nhất là trong công tác điều hành vật tư, kỹ thuật.

2.2.3. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm

- Chất lượng của sản phẩm đã được kiểm soát chặt chẽ từ khâu đầu vào, các nguyên công trong quá trình sản xuất, khâu bao gói xuất xưởng, tiếp nhận thông tin và giải quyết hài hòa các khiếu nại của khách hàng liên quan đến lĩnh vực chất lượng sản phẩm.

- Tiếp tục duy trì, đảm bảo tính hiệu lực, tính liên tục của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Tuy nhiên chất lượng một số sản phẩm chưa thực sự ổn định (đặc biệt là các sản phẩm tạo phối từ đúc) làm ảnh hưởng tiến độ, uy tín, hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

2.2.4. Công tác kỹ thuật và chế tạo sản phẩm mới

Trong năm 2020, công tác kỹ thuật và quản lý chất lượng đã bám sát kế hoạch sản xuất, vừa chuẩn bị kỹ thuật đón đầu các công việc mới, vừa phục vụ đáp ứng yêu cầu trực tiếp của quá trình sản xuất, trong đó:

- Tiếp tục thực hiện “Giải pháp nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm đúc”; “Giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả sản xuất để phát huy tối đa năng lực Dây chuyền cán thép vì lò, U, I, L đặc chủng phục vụ khai thác

hầm lò” đã được ban hành. Áp dụng phần mềm thiết kế công nghệ đúc (JSCAST) vào sản xuất để từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm đúc.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình ứng dụng Tự động hóa, Tin học hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn đến năm 2035 gắn liền việc đầu tư với tăng cường áp dụng Tin học hóa, Tự động hóa, trong đó đã thực hiện các giải pháp cụ thể: (i) Tự động hóa, hiện đại hóa các thiết bị gia công cắt gọt kim loại như máy tiện đứng cỡ lớn, máy phay đứng cỡ trung, máy tiện CNC cỡ trung, thiết bị nhiệt luyện bề mặt, lò ram tôi, hệ thống xử lý nước thải sản xuất và sinh hoạt; (ii) Tin học hóa hệ thống quản lý nhân lực (công tác quản lý lao động, tiền lương tiền đến hợp nhất các phần mềm trở thành hệ thống giải pháp ERP) của Công ty; Tin học hóa quá trình thiết kế mô phỏng công nghệ đúc để phát hiện các khuyết tật nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đúc; (iii) Đối với dây chuyền cán thép: lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống cắt và vận chuyển phôi thép vào nhà xưởng để nâng cao mức độ tự động hóa quá trình cắt và vận chuyển phôi, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động;

- Công tác thực hiện đề tài NCKH và sáng kiến: (i) Thực hiện đề tài: đã thực hiện và hoàn thành công tác quyết toán đề tài “Nghiên cứu Công nghệ, chế tạo thử nghiệm 01 bánh răng m30Z144 máy xúc ЭКГ 10m³ thay thế nhập khẩu” và đang triển khai thực hiện 02 đề tài cấp Tập đoàn; (ii) Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật: năm 2020 đã thẩm định và xét duyệt dự kiến được 73/87 sáng kiến cải tiến kỹ thuật với giá trị làm lợi gần 5 tỷ đồng góp phần tiết kiệm chi phí và đem lại hiệu quả cao trong sản xuất.

2.2.5. Công tác đầu tư xây dựng, quản lý đất đai

Năm 2020, VMC tập trung triển khai và hoàn thành các dự án sau:

- Công trình chuyển tiếp: “Dự án Đầu tư duy trì phát triển sản xuất năm 2019-2020”: Hoàn thành, đưa vào sử dụng 03/03 gói thầu, cụ thể: (i) Máy nén khí 132 kW; (ii) Máy tiện CNC; (iii) Xe ô tô tự đổ (15-18) tấn, Xe ô tô đầu kéo ≥ 35 tấn với giá trị thực hiện: 6.495 triệu đồng.

- Công trình khởi công mới: “Dự án Đầu tư hiện đại hóa thiết bị công nghệ” đã triển khai thực hiện 06/06 gói thầu, trong đó:

+ Hoàn thành, đưa vào sử dụng 05 gói thầu: (i) Thiết bị nhiệt luyện bề mặt, công suất 250 kW; (ii) Hệ thống quản lý nhân lực; (iii) Phần mềm thiết kế công nghệ đúc; (iv) Cầu địa hình 30 tấn; (v) Công trực đảm đòi 10 tấn.

+ Thực hiện ký hợp đồng Gói thầu Máy phát điện có bộ ATS.

+ Giá trị thực hiện hoàn thành: 10.877 triệu đồng.

- Quyết toán dự án hoàn thành:

+ Phê duyệt quyết toán 04 dự án hoàn thành gồm: (i) Dự án Đầu tư duy trì phát triển sản xuất 2017-2018; (ii) Dự án Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kết cấu thép; (iii) Dự án Chế tạo máy xúc lật hông VMC E500-1; (iv) Dự án Phục hồi tài sản cố định năm 2019.

+ Đối với Dự án Dây chuyền cán thép: Đơn vị Kiểm toán đã phát hành Báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành, VMC đã tổ chức thẩm tra và trình HĐQT Công ty phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Đánh giá chung:

Năm 2020, VMC triển khai công tác đầu tư xây dựng theo đúng kế hoạch:

- Số lượng thực hiện: 09/09 gói thầu, đạt 100% kế hoạch năm;
- Giá trị thực hiện: 17.602/19.944 (triệu đồng), tương ứng đạt 88% kế hoạch năm. Giá trị thực hiện thấp hơn kế hoạch do tiết kiệm chi phí đầu tư thông qua đấu thầu qua mạng đấu thầu Quốc gia và 01 gói thầu hoàn thành ở tháng 01/2021;
- So với cùng kỳ năm 2019, giá trị thực hiện năm 2020 thấp hơn là do thực hiện quy định của TKV về việc chuyển dự án phục hồi tài sản cố định sang thực hiện kế hoạch sửa chữa tài sản cố định ở cấp trung tu hoặc bảo dưỡng 3.

2.2.6. Công tác vật tư, kho tàng

Công tác vật tư năm 2020 đã đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất, cấp phát vật tư đảm bảo đúng thủ tục, nguyên tắc theo quy định.

* Kết quả giá trị nhập - xuất vật tư tồn kho năm 2020:

DVT: tỷ đồng

Tên vật tư, hàng hóa	Tồn đầu kỳ (31/12/2019)	Nhập kho	Xuất kho	Tồn cuối (31/12/2020)
Tổng số	41,910	1.258,681	1.256,915	43,677
Vật liệu:	41,874	1.209,551	1.207,748	43,677
- Phôi thép	0	911,506	911,506	0
- Thép chống lò (mua ngoài)	0	65,460	65,46	0
- Thép làm cột chống	2,179	7,663	7,522	2,320
- Vật tư, phụ tùng khác	21,020	212,843	215,710	18,153
- Sắt thép phế liệu	18,75	12,079	7,55	23,204
Nhiên liệu	0,360	49,130	49,490	0

Giá trị tồn kho cuối năm 2020 cao hơn so với cuối năm 2019 do sắt thép phế liệu thu hồi từ cán thép tăng, nhưng giá trị tồn kho vật tư cuối kỳ vẫn đảm bảo tỷ lệ tồn kho theo quy định của TKV.

Nhìn chung, việc tổ chức mua sắm, cung ứng vật tư được thực hiện theo đúng quy chế, quy định về quản lý công tác vật tư của Công ty và hướng dẫn của Tập đoàn TKV. Các vật tư được cấp phát được căn cứ vào nhu cầu thực tế của sản xuất, vật tư nhập đến đâu được đưa vào sử dụng ngay đến đó, không để tồn kho kéo dài.

Mặc dù khối lượng vật tư luân chuyển qua các kho rất lớn, nhưng việc quản lý vật tư ở các kho được thực hiện khá tốt, trong năm không có hiện tượng hư hỏng, thất thoát vật tư.

Tuy nhiên, việc cung ứng vật tư cho một số các đơn hàng vật tư cho sửa chữa thiết bị trong Công ty đôi khi chậm so với yêu cầu sản xuất do máy móc cũ, hư hỏng phát sinh đột xuất nhiều, yêu cầu tiên độ gấp. Việc cung ứng vật tư cho sửa chữa đôi với các thiết bị khai thác mỏ do LB Nga sản xuất như: Máy khoan điện, máy xúc điện,... do vật tư phụ tùng thay thế trên thị trường khan hiếm, nhập khẩu rất khó khăn, nhiều vật tư do đơn vị đặt sửa chữa nhượng, cấp chậm, không đầy đủ do đó có lúc cấp

phát vật tư chưa đồng bộ vẫn còn một số vật tư phải bảo hành khi đưa thiết bị đưa sử dụng. Đối với các thiết bị do các nước G7 sản xuất (máy khoan, xúc thủy lực, máy gạt,...): vật tư phụ tùng cho sửa chữa các thiết bị này phải nhập khẩu, có thời gian cung cấp lâu nhưng thời gian lập Biên bản giám định kỹ thuật và thông nhất dự toán, phê duyệt dự toán chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ cung cấp vật tư.

* Quản lý kho hàng bán thành phẩm và thành phẩm:

STT	KHOẢN MỤC	ĐVT	TỶ ĐƯƠNG TỶ ĐƯƠNG KỶ 31/12/2019	TỶ ĐƯƠNG TỶ ĐƯƠNG KỶ 31/12/2020	CHÊNH LỆCH
1	Kho 152	tỷ đồng	10,63	35,66	+ 25,03
	<i>Trong đó: Dự trữ thép lò</i>	tỷ đồng	6,97	32,23	+ 25,26
2	Kho 155	tỷ đồng	14,44	20,28	+ 5,84

2.2.7. Công tác cơ điện và quản lý thiết bị

Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện quy định phân cấp quản lý vận hành, sửa chữa thiết bị cơ điện đảm bảo duy trì năng lực thiết bị, đảm bảo số lượng thiết bị huy động phục vụ sản xuất. Công tác quản lý vận hành, sửa chữa các cấp thiết bị cơ điện, máy gia công cơ khí cũng được duy trì thường xuyên liên tục; 100% các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được kiểm tra, kiểm định định kỳ như: Thiết bị nâng tải, thiết bị áp lực, thiết bị đo điện, trạm biến thế, dụng cụ điện, tiếp địa, áp kế,...vv nên các thiết bị luôn đảm bảo an toàn đáp ứng các hoạt động sản xuất của Công ty; Các thiết bị nâng vận tải, thiết bị áp lực được định kỳ bảo dưỡng sửa chữa theo đúng kế hoạch đảm bảo phục vụ an toàn cho sản xuất. Kết quả cụ thể:

- Tình hình sử dụng thiết bị năm 2020:

TT	Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số thiết bị phục vụ sản xuất	Thiết bị	224	
2	Hệ số sử dụng thiết bị	%	49	
3	Ngừng do sửa chữa định kỳ	%	1,6	
4	Ngừng do sửa chữa đột xuất	%	1,2	
5	Ngừng do không việc	%	47,4	
6	Ngừng do mất điện	%	0,4	
7	Ngừng do nguyên nhân khác	%	0,4	

- Thực hiện kế hoạch sửa chữa thiết bị:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2020		Tỷ lệ % (TH/KH)
			KH	TH	
1	Sửa chữa thường xuyên	Tr đồng	15.470	20.272	131
2	Sửa chữa đột xuất	Tr đồng	2.000	1.862	93,1
3	Sửa chữa cấp trung tu	Tr đồng	19.315	19.232	99,6
4	Sửa chữa cấp phục hồi	Tr đồng	-	-	-

- Giá trị sửa chữa thường xuyên tăng so với kế hoạch do Công ty tăng cường công tác sửa chữa các thiết bị trong Dây chuyền cán thép theo Kế hoạch số 3235/QĐ-VMC ngày 23/10/2020. Đồng thời, sửa chữa nâng cấp mức độ tự động hóa cho các thiết bị như: Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt; Lò đốt chất

thải nguy hại; Lò thối các bon I60; bảo dưỡng, sửa chữa tổng thể máy tiện, máy phay CNC.

- Công tác quản lý năng lượng:

(i) Công ty tổ chức tốt việc định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng và kiểm định các thiết bị cung cấp điện theo đúng kế hoạch; hoàn thành việc lắp đặt và đưa vào sử dụng tại phòng trực hệ thống kiểm soát, giám sát trên máy vi tính các tủ phân phối trong Trạm biến áp 35/6 kV.

(ii) Tình hình cung cấp điện năng năm 2020: Tổng sản lượng điện tiêu thụ là 11.955.673 kWh, trong đó:

+ Điện dùng cho sản xuất: 11.771.560 kWh;

+ Điện dùng cho sinh hoạt: 184.113 kWh;

(iii) Tình hình cung cấp nước:

+ Nước sạch mua vào (TH/KH): 182.923/167.940 m³;

+ Nước tuần hoàn: 521.455 m³.

Nhận xét: Tổng số các hạng mục sửa chữa theo kế hoạch đã thực hiện đạt 100%; công tác sửa chữa thường xuyên đã duy trì hoạt động của thiết bị; số lượng thiết bị hỏng đột xuất giảm; số lượng thiết bị được huy động vào sản xuất tăng. Trong năm đã tập trung hoàn thành việc: cải tạo, nâng cấp Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, Lò đốt chất thải nguy hại, Lò thối các bon I60, Máy tiện đứng 1541, Máy phay đứng 6560; sửa chữa 04 thiết bị vận tải, xe cầu TADANO 50 tấn.

Hạn chế: Công tác sửa chữa thường xuyên thiết bị như tiêu tu, bảo dưỡng vẫn có thời điểm không đúng theo kế hoạch đã đề ra; trong công tác giám sát, quản lý vận hành thiết bị còn có thiết bị hư hỏng đột xuất.

2.2.8. Công tác quản lý định mức, lao động, tiền lương

*** Công tác định mức**

Năm 2020, trên cơ sở bộ đơn giá tiền lương, định mức tổng hợp cho các sản phẩm, công việc thực hiện trong Công ty theo Quyết định số 1556/QĐ-VMC ngày 21/6/2019 đã thực hiện tốt công tác định mức đơn giá tiền lương, định mức phù hợp với sản xuất, khách quan, minh bạch tạo được sự ổn định cho sản xuất, ổn định tư tưởng cho người lao động và kịp thời định mức cho các mặt hàng mới đáp ứng tiến độ sản xuất.

*** Công tác quản lý lao động**

- Thường xuyên tiến hành rà soát lại toàn bộ lực lượng lao động theo từng ngành nghề của các phân xưởng, phòng trong Công ty để cân đối, điều động linh hoạt lao động đáp ứng cho sản xuất.

- Công tác tái cơ cấu, đổi mới quản trị nội bộ: Thực hiện chỉ đạo và hướng dẫn của TKV, năm 2020 Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu, tinh giản biên chế lực lượng lao động trong danh sách. Cụ thể:

+ Về công tác định biên: Duy trì ổn định mô hình tổ chức theo Công văn hướng dẫn số 6198/TKV-TCNS là 07 phòng, 08 phân xưởng, 01 Chi nhánh; giảm tuyệt đối số lượng lao động quản lý, lao động phục vụ, phụ trợ là 03 người.

+ Về công tác xã hội hóa: Tiếp tục thuê Công ty TNHH bảo vệ Hồng Hà thực hiện dịch vụ bảo vệ vòng ngoài, đảm bảo tốt về an ninh, an toàn tài sản trong Công ty.

+ Tổng hợp lao động tăng, giảm trong năm 2020 như sau:

TT	Danh mục	Lao động đầu năm 2020 (Người)	Lao động đến cuối năm 2020 (Người)	Lao động tăng, giảm trong năm 2020 (Người)	Tỷ lệ lao động cuối năm 2020 (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6	7
1	Lao động quản lý	129	128	-01	4,69	
2	Lao động phục vụ, phụ trợ	80	78	-02	8,95	
3	Lao động công nghệ	629	665	+39	86,36	
	Tổng:	838	871			
	<i>Trong đó: Thời vụ</i>	52	75			
	<i>Lao động Công ty</i>	786	796	10	100	

* Công tác quản lý, điều hành quỹ tiền lương

Công ty đã quản lý tiền lương đúng theo quy chế, quy định đảm bảo tái sản xuất và nâng cao đời sống vật chất cho người lao động (NLD), kích thích NLD nâng cao năng suất lao động. Việc trả lương đảm bảo được sự công bằng hợp lý giữa những NLD công khai minh bạch, quán triệt trên nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc và chức vụ đó.

Kết quả thực hiện quản lý lao động, tiền lương:

T	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Thực hiện năm 2019	KH năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ %	
						So với TH năm 2019	So với KH năm 2020
1	Lao động bình quân trong danh sách	Người	860	870	860	99,56	107,61
2	Tiền lương theo GTSX	Tr.đ	98.707	86.742	99.208	102,64	115,65
3	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	9.429	8.309	9.478	100,52	114,07
4	Năng suất lao động bình quân (theo Doanh thu trừ chi phí chưa có tiền lương)	Tr.đ /ng/th	131,31	111,54	129,5	98,59	115,65

Công ty tiếp tục duy trì cơ chế khuyến khích trả lương cho các thợ đầu ngành (chuyên gia), khuyến khích thêm tiền lương hàng tháng bằng 01 tháng lương cơ bản đối với thợ đạt danh hiệu bàn tay vàng.

** Thực hiện chế độ chính sách với người lao động*

- Nộp BHXH và quyết toán với cơ quan BHXH cấp trên kịp thời, chính xác theo đúng quy định. Thực hiện giải quyết đầy đủ các chế độ hưu trí, ốm đau, thai sản, điều dưỡng, bồi dưỡng độc hại, bồi dưỡng ca 3 cho các đối tượng theo đúng quy định của BHXH và quy định của Công ty, cụ thể theo bảng sau:

Bảng chi tiết thực hiện công tác chế độ năm 2020

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện KH năm 2020	Ghi chú
1	Bảo hiểm xã hội				
1.1	LĐ tăng	Người		68	
1.2	LĐ giảm	Người		62	
1.3	LĐ tham gia BHXH	Người	870	776,25	Bình quân
1.4	Quỹ lương	Đồng	50.109.237.684	54.390.878.000	
1.5	Số phải đóng	Đồng	17.237.577.763	18.260.863.141	
2	Giải quyết chế độ				
2.1	Hưu trí	Người	5	5	
2.2	Tuất	Người		0	
2.3	Dưỡng sức sau thai sản	Người		18	
2.4	Dưỡng sức tập trung		40	54	
2.5	Hoãn hợp đồng	Lượt người		7	
2.6	Châm dứt HĐLĐ	Người		16	
2.7	Giải quyết TNLĐ	Người		8	
	Chi trả trợ cấp TNLĐ	Đồng		75.860.752	
2.8	Phép năm	Người		769	
	Cấp BHLĐ	Duyệt trang cấp theo đúng quy định			

- Công ty thực hiện các giải pháp tăng cường cải thiện điều kiện làm việc, tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và chăm sóc sức khỏe cho người lao động, tuyên truyền để nắm rõ tác hại về bệnh nghề nghiệp, cách nhận biết phòng tránh bệnh nghề nghiệp, nâng cao ý thức để bảo vệ mình tốt hơn. Công ty đã phối hợp với Bệnh viện Than - Khoáng sản tổ chức khám bệnh định kỳ, kiểm tra sức khỏe cho CB, CN, NLĐ và phân loại sức khỏe cho người lao động, lấy đó làm cơ sở phân công bố trí công việc phù hợp.

- Công ty thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19, các biện pháp cách ly người đi đến/qua vùng dịch về theo đúng quy định và không có trường hợp dương tính với COVID-19.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng bữa ăn giữa ca, bảo đảm tuyệt đối ATVSTP, tăng cường các biện pháp đảm bảo sức khỏe cho người lao động làm việc tại công trường trong thời tiết nắng nóng.

2.2.9. Công tác tài chính kế toán

- Tình hình tài chính, công nợ:

+ Công tác thu xếp vốn: thu xếp đủ, kịp thời nguồn vốn phục vụ nhu cầu sản xuất của Công ty như thanh toán tiền lương, tiền điện, BHXH, thanh toán các khoản mua vật tư mang tính cấp bách và thanh toán kịp thời các khoản gốc vay ngân hàng đến hạn thanh toán:

+ Tình hình vay, trả tiền gốc vay ngắn hạn, dài hạn ngân hàng: Năm 2020, vay ngân hàng số tiền là 478,4 tỷ đồng để phục vụ nhu cầu sản xuất và đầu tư xây dựng.

+ Bảng chi tiết vay tiền:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ	Chênh lệch (+,-)
I	Vay ngắn hạn					
	Năm 2020	158,99	463,52	450,56	171,95	+ 12,96
II	Vay dài hạn					
	Năm 2020	35,74	14,9	16,09	34,55	- 1,19

- Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Thuế TNDN	Thuế GTGT	Thuế đất	Thuế TNCN	Thuế khác	Tổng số tiền nộp thuế	Tiền BHXH
1	Năm 2020	3.999	9.739	1.971	772	24	16.505	19.073

- **Tình hình thu hồi công nợ:** Ngay từ đầu năm Công ty đã quan tâm đến việc thu hồi công nợ theo Công văn 5666 của TKV, bằng nhiều biện pháp linh hoạt như gửi công văn, gặp trực tiếp với khách hàng, nhờ sự hỗ trợ của Tập đoàn TKV nên trong năm 2020 tình hình tài chính của Công ty đã đáp ứng được nhu cầu phục vụ sản xuất trong năm. Năm 2020 Công ty thu được 1.608,5 tỷ đồng/1.624,1 tỷ đồng số nợ phải thu khách hàng, số dư nợ phải thu khách hàng ngày 31/12/2020: 213,6 tỷ đồng, tăng 12,8 tỷ đồng so với đầu năm.

- Tình hình thanh toán cho người bán:

Do tình hình thu hồi công nợ được cải thiện nên việc thanh toán cho người bán cũng được cải thiện theo, năm 2020 Công ty trả được 1.441,7 tỷ đồng/1.492,9 tỷ đồng, số dư nợ phải trả người bán ngày 31/12/2020: 238,8 tỷ đồng tăng 51,3 tỷ đồng so với số dư đầu năm, trong đó nợ Tổng Công ty Khoáng sản TKV số tiền: 2 tỷ đồng.

- **Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp**

+ **Vốn chủ sở hữu:**

Đầu kỳ: 58.635.723.685 đồng

Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973.510.000 đồng

Cuối kỳ: 62.006.527.885 đồng

Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973.510.000 đồng

- Tình hình tài chính

* Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn)	71,3%	77,4%	
- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn	49,5 %	46,2%	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,88	0,89	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	7,46	7,82	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bq (lần)	14,51	10,2	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	218 %	272 %	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	0,47%	0,65 %	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	11,96 %	15,6 %	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	1,41 %	1,8 %	
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐ SXKD/Doanh thu thuần	2,07%	0,69 %	

Các chỉ tiêu chủ yếu công tác kế toán, tài chính: Phụ lục 2.

2.2.10. Công tác an ninh, an toàn, quân sự quốc phòng; Công tác phòng chống mưa bão, bảo vệ môi trường

* **Công tác AT-VSLĐ, PCCC**

Ngày đầu năm, Công ty đã xây dựng kế hoạch AT-VSLĐ năm 2020 gồm 5 nội dung với tổng giá trị là 6.625 triệu đồng, kết quả thực hiện đạt 7.307,2 triệu đồng tương ứng đạt 110,3% kế hoạch năm. Cụ thể, Công ty đã thực hiện:

- Tổ chức huấn luyện an toàn định kỳ cho 100% CBCN, người lao động và người làm nghề có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ theo đúng quy định;

- Trang bị đầy đủ, kịp thời các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động với tổng giá trị thực hiện: 1.563,3/1.187,2 (triệu đồng), đạt 129% kế hoạch năm;

- Kiểm tra, kiểm định định kỳ 100% các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đến hạn và theo kế hoạch;

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 765/769 người, tương ứng đạt 99,5%; khám sức khỏe chuyên đề cho lao động nữ là 173 người; kiểm tra sức khỏe đợt 2 cho người lao động bao gồm: Người lao động làm việc có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ, nặng nhọc, độc hại, phát hiện bệnh nghề nghiệp và kiểm tra sức khỏe cho những người làm việc trên cao.

Năm 2020, Công ty không xảy ra TNLĐ nghiêm trọng, không xảy ra sự cố thiết bị loại I, loại II. Tuy nhiên, vẫn còn xảy ra 17 vụ TNLĐ nhẹ làm 16 người bị thương (so với năm 2019 tăng 9 vụ = 8 người) và 01 vụ cháy tại bể chứa dầu nhiệt luyện tại Phân xưởng Cơ khí 2. Các trường hợp TNLĐ có nguyên nhân chủ yếu do sự chủ quan của người lao động như trượt ngã, va đập, thiếu quan sát,... và các vụ việc đều được tổ chức điều tra xác định rõ nguyên nhân.

** Công tác an ninh trật tự và an toàn tài sản*

- Công ty tiếp tục thực hiện xã hội hóa thuê dịch vụ bảo vệ, phối hợp cùng với lực lượng bảo vệ của Công ty thực hiện tốt: các kế hoạch bảo vệ an ninh trật tự, an toàn tài sản và sẵn sàng trực chiến đấu trong các ngày Lễ, Tết. Thực hiện việc giám sát xuất, nhập vật tư, hàng hóa ra vào Công ty đảm bảo an ninh, an toàn tài sản trong Công ty, công trường và trên địa bàn.

- Duy trì công tác tiếp dân theo quy định; các ý kiến, kiến nghị của CB,CN, NLĐ được giải quyết kịp thời nên không có đơn thư khiếu nại tố cáo.

** Công tác Quân sự quốc phòng*

Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng do Tập đoàn, Ban CHQS thành phố triệu tập. Thực hiện nghiêm công tác bàn giao công dân tham gia nghĩa vụ quân sự theo chỉ tiêu phân bổ của Ban CHQS thành phố Cẩm Phả (01 chiến sỹ).

** Công tác Phòng chống mưa bão – Bảo vệ môi trường*

- Công tác Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn (PCTT-TKCN): Phối hợp chặt chẽ với địa phương trong việc tổ chức phòng chống mưa bão và PCTT- TKCN; tổ chức chống dột mái nhà xưởng, nạo vét, khai thông các hồ lãng và hệ thống thoát nước trong Công ty; đo kiểm tra, sửa chữa 1.010 vị trí tiếp địa thiết bị, chống sét. Năm 2020 Công ty đã xây dựng kế hoạch và thực hiện đạt giá trị 2.176/2.120 (triệu đồng) bằng 103% so với kế hoạch năm. Tổ chức theo dõi diễn biến khi có thiên tai, triển khai các biện pháp phòng ngừa, bố trí lực lượng, phương tiện, dụng cụ ứng trực sẵn sàng 24/24h.

- Công tác Môi trường: Công ty đã xây dựng kế hoạch và thực hiện đạt giá trị 2.692/2.460 (triệu đồng), tương ứng đạt 117,5% kế hoạch năm. Công tác phân loại, thu gom chất thải trong Công ty được thực hiện nghiêm túc, các chất thải được phân loại, thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý. Các công trình môi trường như: Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt đã được nâng cấp mức độ tự động hóa; Lò đốt chất thải nguy hại đã được sửa chữa bảo đảm ổn định công suất; Hệ thống xử lý nước thải mạ vẫn được duy trì hoạt động đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn xả thải ra môi trường.

2.2.11. Công tác quản trị, tiết kiệm chi phí

Triển khai nghiêm túc chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo các văn bản chỉ đạo của các cấp. Trong năm 2020 Công ty đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-VMC ngày 02/01/2020 về việc ban hành Kế hoạch chi tiết thực hiện các biện

pháp tiết kiệm chi phí năm 2020, từ đó, công tác quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được kiên toàn, triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, đến tất cả các đơn vị trực thuộc và đến các tổ đội sản xuất, người lao động. Từ kết quả tiết kiệm chi phí, Công ty đã đáp ứng yêu về tiết giảm chi phí, góp phần giảm giá thành sản xuất. Lợi nhuận đạt 12,12 tỷ/KH 10,3 tỷ đồng đạt 118%. Các biện pháp tiết kiệm chi phí góp phần tăng lợi nhuận trong năm 2020.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn nhiều chỉ tiêu của các Phân xưởng chưa đạt được kế hoạch do Công ty giao, chưa phát huy được nhiều sáng kiến cải tiến để hợp lý hóa sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí. Giá trị hàng hỏng năm 2020 theo thống kê thiệt hại trên 350 triệu đồng, chủ yếu ở là hàng Đức, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả chung về tiết kiệm chi phí của Công ty.

2.2.12. Các công tác khác

Phong trào văn hoá - thể thao của Công ty tiếp tục được duy trì. Công tác thi đua tuyên truyền luôn được quan tâm bằng việc rà soát hiệu chỉnh Quy chế thi đua, khen thưởng phù hợp với các quy định hiện hành, hoạt động thi đua tuyên truyền luôn bám sát hoạt động SXKD của Công ty, kịp thời có tin bài trên đài truyền thanh và các phương tiện thông tin khác cho các ngày lễ lớn của đất nước, Ngành, Công ty góp phần quảng bá hình ảnh tốt đẹp, nâng cao uy tín của Công ty với các đối tác, với chính quyền và nhân dân địa phương.

Nhân dịp kỷ niệm 85 năm ngày Truyền thông Công nhân vùng Mỏ - Truyền thông ngành Than, Công ty đã tổ chức tôn vinh 3 Phân xưởng, 28 tổ đội về trước kế hoạch, 71 công nhân có bàn tay vàng, 06 kỹ sư giỏi. Kết quả xét danh các hiệu thi đua năm 2020: 706/788 người đạt LĐT; 109 người đạt CSTĐ cấp cơ sở, 56/76 tổ đội LĐT, 41/76 tổ đội LĐXS; đề nghị xét 25 cá nhân đạt CSTĐ cấp Tập đoàn; 10 bằng khen Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp cho 06 cá nhân, 02 tổ, 02 phân xưởng; Bằng lao động sáng tạo cho 05 cá nhân; Bằng khen Thủ tướng cho 02 cá nhân; Huân chương lao động hạng Ba cho 01 cá nhân.

Ngoài ra, trong năm 2020 Công ty đã tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, chào mừng các ngày lễ lớn: các giải nội bộ (Giải cầu lông,...), tổ chức các trận giao hữu bóng đá, thể thao, các giải thi đấu thể thao của Tập đoàn TKV và của địa phương. Các hoạt động văn hóa, thể thao đã góp phần làm phong phú đời sống vật chất, tinh thần và gắn bó, đoàn kết người lao động tạo không khí vui tươi phấn khởi, đồng viên CB, CN, NLĐ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2020, Công ty đã chủ động, tích cực ban hành và thực hiện các giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD trong năm, do đó thực hiện đạt vượt mức đồng bộ các chỉ tiêu, ổn định việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc tạo được sự tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng ủy, HĐQT, Ban lãnh đạo và sự đồng thuận cao trong mọi công tác.

Tuy nhiên, trong việc tổ chức điều hành SXKD vẫn còn có những hạn chế, đòi hỏi Công ty phải tiếp tục có những giải pháp, phương án khắc phục để phấn đấu hoàn thành kế hoạch của năm 2021.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG

1.1. Thuận lợi

- Sự quan tâm, chỉ đạo của TKV đối với các đơn vị cơ khí nói chung, với Công ty nói riêng.

- Tinh thần đoàn kết, đổi mới, dân chủ, công khai, minh bạch tạo động lực và phát huy tinh thần lao động nhiệt tình, sáng tạo của người lao động; Các mặt quản lý, ý thức, năng lực trình độ của CBCN, người lao động ngày càng nâng cao.

- Kết quả thực hiện toàn diện, đồng bộ, hiệu quả năm 2020, tạo điều kiện, tiền đề thuận lợi cho việc triển khai và thực hiện kế hoạch năm 2021.

- Công tác tái cơ cấu của Công ty trong những năm qua về cơ bản đã thực hiện đúng theo mô hình, ổn định về tổ chức tạo điều kiện cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong năm.

1.2. Khó khăn

- Tình hình dịch bệnh COVID-19 trên thế giới vẫn diễn biến hết sức phức tạp, ảnh hưởng đến các hoạt động trong đó có hoạt động SXKD; Công tác khai thác và tìm kiếm việc làm sẽ gặp khó khăn trong và ngoài TKV (do lượng than còn tồn nhiều, nhu cầu sử dụng điện giảm,...vv; việc tham gia các dự án lớn ngày càng khó khăn).

- Các mặt quản lý, ý thức, năng lực trình độ của CBCN, người lao động tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề ở nhiều khâu, từ sửa chữa thiết bị đến gia công cơ khí còn thiếu.

- Thiết bị của Công ty phần lớn lạc hậu, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp trong khi môi trường SXKD ngày càng chặt chẽ, yêu cầu và tiêu chuẩn về hàng hóa, dịch vụ ngày càng cao.

II. CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

2.1. Mục tiêu điều hành năm 2021:

Mục tiêu điều hành là: Tạo việc làm ổn định để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tiếp tục hoàn thiện tổ chức và nâng cao trình độ quản lý, sắp xếp tinh gọn bộ máy để tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững; cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ lao động cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề.

Mục tiêu chung là: AN TOÀN – PHÁT TRIỂN – HIỆU QUẢ.

2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Doanh thu: 1.456 tỷ đồng, trong đó doanh thu cơ khí: 1.444,325 tỷ đồng; Điều hành KH đạt trên 1.500 tỷ đồng;

- Giá trị sản xuất: 486,908 tỷ đồng; Điều hành KH đạt trên 500 tỷ đồng;

- Tổng chi phí sản xuất: 1.445 tỷ đồng;

- Lợi nhuận: 11 tỷ đồng;

- Lao động bình quân theo định mức: 870 người;

- Tiền lương bình quân: 8,880 triệu đồng/người/tháng;

- Cổ tức: 10%;
- Giá trị các dự án đầu tư: 34,08 tỷ đồng.
- Hệ số nợ phải trả: Phân đầu giữ mức kế hoạch năm 2020 (9,89 lần vốn chủ sở hữu);
- Bảo toàn và phát triển vốn.
- Các chỉ tiêu khác: *Theo Phụ lục 03 đính kèm.*

III. CÁC GIẢI NHIỆM VỤ, PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

3.1. Nhóm giải pháp về tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, mà trọng tâm là nâng cao chất lượng lao động công nghệ và đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt

- Công tác tuyển dụng: rà soát, hiệu chỉnh Quy chế Tuyển dụng và đào tạo lao động phù hợp với Bộ luật lao động năm 2019, Luật việc làm, Quy định, Hệ thống Thang lương, bảng lương mới cũng như phù hợp với mô hình sản xuất của Công ty trong giai đoạn mới; xây dựng các chính sách, biện pháp thu hút, tuyển dụng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng lao động, trong đó ưu tiên nhóm thợ cơ khí và sửa chữa thiết bị.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực: Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công nhân, người lao động trong Công ty; Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong Quy chế quản lý cán bộ được ban hành theo Quyết định số 2816/QĐ-VMC ngày 08/10/2019 của Hội đồng quản trị và Quy định tổ chức đánh giá năng lực cán bộ được ban hành theo Quyết định số 2876/QĐ-VMC ngày 11/10/2019 của Giám đốc Công ty; Chủ động linh hoạt trong công tác đào tạo, kèm cặp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên và tay nghề cho CBCN; kèm cặp nghề 2 đối với những ngành nghề khó tuyển dụng và đảm bảo cân đối giữa các ngành nghề để bố trí công việc; Tập trung đào tạo để cấp chứng chỉ hành nghề cho nguồn nhân lực chủ chốt đáp ứng yêu cầu tham dự đấu thầu và thực hiện các gói thầu.

- Công tác bố trí, sử dụng lao động: Chủ động nghiên cứu, cải tiến quy trình sản xuất, tổ chức sản xuất và điều phối nhân lực hợp lý, làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất để tăng thời gian làm việc hữu ích trong ca của người lao động; Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các đối tượng vi phạm hoặc không đảm bảo chất lượng công tác, đồng thời khuyến khích, động viên, có chính sách phù hợp đối với người lao động tích cực học tập, nâng cao trình độ và thực hiện tốt nhiệm vụ. Bố trí sử dụng lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ theo định biên tại từng giai đoạn một cách linh hoạt kết hợp với việc từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phù hợp với tiêu chuẩn đã ban hành.

- Triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng hiệu quả công việc bằng Hệ thống quản trị KPIs đối với từng vị trí trong diện lao động quản lý theo định biên; Tiếp tục thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại lao động theo kế hoạch trong lộ trình 2020 - 2025.

3.2. Nhóm giải pháp về kỹ thuật - công nghệ - thiết bị

- Đẩy mạnh Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa, từng bước đầu tư hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, nâng cao trình độ tự động hóa và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh; Khai thác một cách hiệu quả các giải pháp THH-TĐH đã triển khai (phần mềm thiết kế công nghệ đúc

JSCAT, phần mềm quản lý nhân lực; các thiết bị CNC; thiết bị được sửa chữa cải tạo sang THH-TĐH,...vv).

- Công tác công nghệ sản xuất: Rà soát, hoàn thiện, ban hành bổ sung đầy đủ QTCN, Biện pháp thi công, đáp ứng yêu cầu sản xuất. Chuẩn bị đầy đủ dao cụ, đồ gá để khai thác tối đa năng lực các thiết bị đã đầu tư. Nâng cao chất lượng giám định, chuẩn bị kỹ thuật đối với công tác sửa chữa lớn. Tiếp tục đầu tư trang bị, kết hợp đào tạo để sử dụng có hiệu quả các phần mềm thiết kế, đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân để từng bước làm chủ công nghệ sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị thủy lực, điện tử,...vv.

- Công tác nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới: Chủ động, tăng cường hợp tác nghiên cứu, thiết kế mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty; Nghiên cứu thiết kế, sản xuất các sản phẩm mới, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác hầm lò, sàng tuyển than. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện QTCN mà đề nâng cao chất lượng chế tạo các loại cột chống thủy lực; Tiếp tục thực hiện xây dựng và đăng ký tiêu chuẩn cơ sở, tiến tới đăng ký bảo hộ độc quyền một số sản phẩm.

- Tăng cường việc áp dụng các phần mềm trong tính toán, thiết kế; Tự lực, kết hợp với các đơn vị trong và ngoài nước để phát triển, mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty (máy xúc lật hông,...); Thực hiện tốt các đề tài, dự án khoa học công nghệ. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng và các tiểu ban sáng kiến (chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ,...vv).

- Đối với sản xuất cán thép: Tiếp tục đề xuất, triển khai xây dựng các giải pháp KHCN mới để sản xuất ổn định, có thể đáp ứng được sản lượng 85.000 tấn, với đủ 4 loại thép chống lò. Phối hợp nghiên cứu, đầu tư công nghệ để phát triển thêm sản phẩm thép ray. Kiểm soát chặt chẽ định mức tiêu hao vật tư, nguyên công /1 tấn sản phẩm thép cán để làm cơ sở giao khoán chi phí sản xuất đạt hiệu quả cao nhất.

- Đối với sản xuất đúc: Tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ thực hiện các nội dung trong “Giải pháp nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm đúc”. Sử dụng có hiệu quả phần mềm JSCAT vào việc kiểm tra, đánh giá ổn định công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm đúc. Tăng cường tham quan học tập, hợp tác với các đối tác để từng bước nâng cao chất lượng; Tiếp tục nghiên cứu, triển khai phương án sử dụng hiệu quả thép phế liệu theo hướng đúc phối thép. Thực hiện việc tính giá thành thực tế đối với các sản phẩm đúc (theo tấn/sản phẩm) để quản trị được chi phí mang lại hiệu quả cho sản phẩm đúc.

- Đối với chế tạo cột chống, giá chống: Tiếp tục đề xuất, triển khai xây dựng các giải pháp KHCN mới để sản xuất các loại cột chống đảm bảo chất lượng và đáp ứng tiến độ cung cấp cho các đơn vị với sản lượng trên 1.200 cột các loại/tháng; Tăng cường công tác giám sát, thực hiện nghiêm túc qui trình gia công, làm sạch, mạ theo công nghệ hiện hành; Sử dụng hiệu quả hệ thống xử lý nước thải mạ theo qui trình đã ban hành.

- Công tác quản lý chất lượng: Kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất và chất lượng sản phẩm xuất xưởng. Bổ sung đầy đủ các thiết bị phân tích, đo kiểm, thử nghiệm để kiểm soát chất lượng từ các yếu tố đầu vào và trong quá trình công nghệ sản xuất đến thành phẩm. Áp dụng toàn diện các nội dung của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015,...vv trong quản lý chất lượng.

- Công tác đầu tư: Thực hiện tốt kế hoạch đầu tư xây dựng, khai thác sử dụng có hiệu quả thiết bị đã đầu tư.

- Công tác cơ điện và sửa chữa nội bộ: Thực hiện đúng chế độ, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng; Nâng cao chất lượng sửa chữa; Điều hành thực hiện kế hoạch sửa chữa các cấp đảm bảo đồng đều giữa các quý trong năm; Tăng cường dự phòng vật tư, phụ tùng thiết yếu cho các dây chuyền, thiết bị trọng tâm (cán thép, cột chống, máy công cụ,...vv); Hợp tác với các đơn vị ngoài để chủ động bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị một cách kịp thời.

- Công tác bảo vệ môi trường: Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về BVMT, kiên trì thực hiện quản lý văn minh; Tiếp tục triển khai quyết liệt các nội dung trong chương trình Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh đã ban hành. Quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường (đặc biệt nước thải sau mạ, khí thải và bụi tại PX Đức,...vv).

3.3. Nhóm giải pháp phát triển thị trường

Giữ vững, đồng thời nắm bắt cơ hội để phát triển mở rộng sản phẩm và thị trường trong TKV, đồng thời phát triển mạnh mẽ thị trường ngoài ngành.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả về các giải pháp đảm bảo nguồn nhân lực, kỹ thuật công nghệ, đảm bảo chất lượng là tiền đề vững chắc cho công tác thị trường. Tiếp tục kiện toàn lực lượng nòng cốt, đẩy mạnh phân công, giao các chỉ tiêu cụ thể về doanh thu, sản lượng; Nâng cao chất lượng, trình độ, kỹ năng cho cán bộ làm công tác thị trường.

3.3.1. Đối với thị trường truyền thống trong TKV

- Các đơn vị khai thác lộ thiên, sàng tuyển, chế biến than: Duy trì việc chế tạo phụ tùng, thiết bị; ưu tiên nguồn lực để thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa TĐT thiết bị cho các đơn vị ngành Than, đặc biệt là đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định; Chủ động liên hệ với các đơn vị chủ thiết bị để nắm bắt, làm tốt công tác chuẩn bị.

- Chủ động tiếp cận các dự án mở rộng khai thác than lộ thiên trong năm 2021 của TKV để có định hướng về chế tạo, phục hồi các thiết bị, hệ thống sàng tuyển, băng tải,...vv.

- Các mỏ khai thác than hầm lò: Đảm bảo cung cấp đầy đủ các chủng loại thép chống lò, vì chống lò; Giữ vững và tăng sản lượng, số lượng, chủng loại các sản phẩm thiết bị, phụ tùng phục vụ khai thác hầm lò. Triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất thép chống lò, cột chống các loại đáp ứng nhu cầu sản xuất của các đơn vị trong TKV.

- Các đơn vị kho vận, chế biến: Bám sát việc nâng cấp, mở rộng các kho cảng, bến bãi phục vụ công tác nhập khẩu than và pha trộn than của các đơn vị trong TKV để tham gia cung cấp các dịch vụ về cơ khí.

3.3.2. Thị trường khác trong và ngoài TKV

- Chủ động nghiên cứu, tích cực tham gia các dự án trong TKV, đặc biệt các gói thầu EPC; mở rộng cung cấp phụ tùng cho nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện thép Cao Bằng, khu vực Lào Cai, khu vực Tây Nguyên. Tăng cường hợp tác, liên kết, liên danh với các đơn vị trong và ngoài TKV để đấu thầu các dự án lớn, các gói thầu EPC, tập trung vào các dự án đầu tư các nhà máy sàng tuyển, chế biến, vận chuyển than;

- Phát triển các thị trường ngoài TKV, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất thép, điện, xi măng, chế biến khoáng sản; Giữ vững ổn định các thị trường hiện có, tập trung hoàn thành tốt các hợp đồng của Tập đoàn Hòa Phát, đồng thời tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường.

3.3.3. Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường

3.4. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả các mặt quản lý - điều hành, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm để không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường

- Thực hiện tốt cơ chế chỉ đạo, phối hợp giữa tổ chức Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, Công đoàn Công ty nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị vì mục tiêu chung;

- Tiếp tục siết chặt, nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt quản lý; Có biện pháp kiểm soát, đánh giá, nâng cao chất lượng công tác các phòng chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật, xây dựng, ban hành các quy chế, quy định làm công cụ hữu hiệu trong các mặt quản lý;

- Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ.

3.5. Nhóm giải pháp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối người lao động

- Chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế, quy định về tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thực hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại.

- Phát động các phong trào thi đua, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV; Đa dạng hóa các hình thức biểu dương khen thưởng để động viên, khuyến khích người lao động, thúc đẩy các mặt của sản xuất kinh doanh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

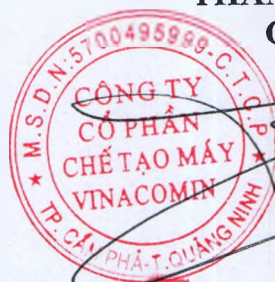
Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 2021, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và HĐQT Công ty, các tổ chức, đơn vị trong Công ty cần tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp chặt chẽ giữa chuyên môn và các đoàn thể để chủ động xây dựng kế hoạch, giải pháp chi tiết triển khai thực hiện kế hoạch năm 2021 nhằm phát huy tối đa sức mạnh của cả hệ thống chính trị, phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống Công ty, thực hiện thắng lợi và toàn diện kế hoạch năm 2021 với mục tiêu **AN TOÀN - PHÁT TRIỂN - HIỆU QUẢ**.

Các tổ chức trong hệ thống chính trị cần đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn, trao đổi đến người lao động để mọi người hiểu rõ, tạo sự đồng thuận, phối hợp thực hiện đạt hiệu quả cao trong tất cả các mặt sản xuất, công tác./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, ĐU (e-copy, b/c);
- BGD, BKS (e-copy);
- Website: chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các đơn vị, tổ chức trong Công ty (e-copy);
- Lưu: Thư ký Công ty, VT.

**THÀNH VIÊN HĐQT
GIÁM ĐỐC**



Phạm Minh Tuấn

Phụ lục 01: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	So cùng kỳ năm 2019	So sánh KH năm 2020
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=6/5</i>	<i>8=6/4</i>
I	Sản phẩm chủ yếu						
I.1	Sửa chữa thiết bị xe máy		56	66	62	94	111
1	Xe gat D85A, khác	cái	8	6	8	133	100
2	Máy xúc EKG 5A, EKG 4,6, 8u	cái	9	9	10	111	111
3	Máy xúc nhỏ	cái	11	19	12	63	109
3	Máy khoan xoay cầu CBIII	cái	9	9	8	89	89
4	Máy khoan các loại	cái	1	2	3	150	300
6	Xe máy, các thiết bị khác	cái	18	21	21	100	117
I.2	Chế tạo thiết bị	tan	1.500	1.695	1.157	68	77
1	Thiết bị ngành than	tan	600	546	325	60	54
	Trong đó:						
*	Chế tạo xe goòng 3T	xe	50	148	40	27	80
*	Dàn chống thủy lực di động	dàn	50	-	-	-	-
*	Cột chống thủy lực	cột	6.000	5.886	6.235	106	104
*	Máy xúc VMC 500	máy	2	-	-	-	-
2	Chế tạo thiết bị theo dự án trong TKV	tan	400	347	482	139	121
3	Thiết bị ngành khác	tan	500	802	327	41	65
I.3	Chế tạo, phục hồi phụ tùng		1.600	1.706	1.108	65	69
1	Chế tạo phụ tùng ngành than	tan	600	402	311	77	52
2	Chế tạo phụ tùng ngành khác	tan	500	802,8	423	53	85
3	Phục hồi phụ tùng	tan	500	501	414	83	83
4	Sản xuất vít chống lò	tan	30.000	30.535	34.891	114	116
5	Thép chống lò	tan	71.000	75.142	80.848	108	114
	<i>Tr.đó: bán trong than</i>		<i>40.500</i>	<i>47.092</i>	<i>45.658,8</i>	97	113
I.4	Sản xuất và kinh doanh khác	tr.đ	27.020,00	47.160,56	63.824	135	236
	Sản xuất vật liệu xây dựng	tr.đ	2.500	2.894	1.778	61	71
	Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	23.020	42.802	76.880	180	334
	Sản xuất ô xy, Ni tơ	tr.đ	1.500	1.465	1.304	89	87
II	Doanh thu	tr.đ	1.389.000	1.501.300	1.492.249	99	107
II.1	Doanh thu sản xuất cơ khí	tr.đ	1.360.700	1.453.640	1.412.287	97	104
	Bán trong ngành than	tr.đ	1.323.000	1.398.372,7	1.384.109	99	105
	Bán ngoài ngành than	tr.đ	37.700	55.267,0	28.177,9	51	75
II.2	Doanh thu sản xuất và dịch vụ khác	tr.đ	27.020	47.161	79.962	170	296
1	XDCB tự làm và vật liệu xây dựng	tr.đ	2.500	2.894	1.778	61	71
2	Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	23.020	42.802	76.880	180	334
3	Sản xuất ô xy, Ni tơ	tr.đ	1.500	1.465	1.304	89	87
II.3	Doanh thu tài chính, khác	tr.đ	1.280	500	2.444	489	191
III	Giá vốn	tr.đ	921.720	975.734	953.319	98	103
1	Giá vốn phối thép và thép	tr.đ	900.081	940.303	881.614	94	98

	chồng lò						
2	Giá vốn kinh doanh vật tư, thiết bị.	tr.đ	21.639	35.430	71.705	202	331
IV	Giá trị sản xuất	tr.đ	466.000	525.066	538.930	102	115
1	Sản xuất cơ khí (không bao gồm giá trị thép chồng lò)	tr.đ	460.619	513.336	530.674	103	115
2	Sản xuất và dịch vụ khác	tr.đ	5.381	11.730	8.257	70	153
	+ Sản xuất VLXD	tr.đ	2.500	2.894	1.778	61	71
	+ Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	1.381	7.372	5.175	70	375
	+ Sản xuất ô xy, ni tơ	tr.đ	1.500	1.465	1.304	89	87
V	Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	tr.đ	1.378.700	1.487.082	1.482.572	100	108
V.1	Chi phí trung gian	tr.đ	1.238.453	1.332.155	1.322.281	99	107
V.2	Giá trị gia tăng	tr.đ	123.233	139.805	144.647	103	117
1	Tiền lương	tr.đ	86.742	98.707	99.208	100	114
	Trong đó: Quy lương VCQL	tr.đ	1.930	2.081	2.081	100	108
2	Bảo hiểm xã hội, y tế, BHTN, KPCĐ	tr.đ	14.673	12.229	14.346	117	98
3	KHTSCĐ	tr.đ	21.818	28.869	31.025	107	142
V.3	Chênh lệch đầu cuối kỳ	tr.đ					
V.4	Chi phí hoạt động tài chính	tr.đ	17.014	15.122	15.643	103	92
VI	Lợi nhuận	tr.đ	10.300	14.219	12.143	85	118
VII	Các chỉ tiêu về lao động tiền lương						
1	Đơn giá tiền lương (đ/1000 đ giá trị SX)		182	186	182,0	98	100
2	Lao động bình quân theo định mức	Người	870	860	860	100	99
3	Tiền lương bình quân người lao động	1000đồng/ Người/tháng	8.309	9.429	9.478	101	114
VIII	Kết quả thực hiện QTCP						
	Chi phí KH điều chỉnh	Tr.đ			1.483.609		
	Chi phí thực tế	Tr.đ			1.482.572		
	Tiết kiệm +, bội chi -	Tr.đ			-	1.037	
IX	Nộp ngân sách		Theo quy định hiện hành				

Phụ lục 02

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CÔNG TÁC KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH NĂM 2020

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Số đầu năm	Số cuối năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	294.947.021.784	354.529.110.622
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	2.876.134.347	2.214.510.706
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	193.745.980.829	202.198.063.206
IV. Hàng tồn kho	90.331.667.434	142.629.055.862
V. Tài sản ngắn hạn khác	7.993.239.174	7.487.480.848
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	201.278.189.244	192.919.273.682
I. Các khoản phải thu dài hạn		
II. Tài sản cố định	188.685.507.942	173.141.489.397
IV. Tài sản dở dang dài hạn		162.377.923
VI. Tài sản dài hạn khác	12.592.681.302	19.615.406.362
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	496.225.211.028	547.448.384.304
C - NỢ PHẢI TRẢ	437.589.487.343	485.441.856.419
I. Nợ ngắn hạn	413.660.307.016	458.197.181.568
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	187.526.461.310	238.847.578.315
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	174.405.549.451	182.303.421.642
* Phải trả ngắn hạn khác	51.728.296.255	37.046.181.611
II. Nợ dài hạn	23.929.180.327	27.244.674.851
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20.320.338.652	24.200.338.652
* Phải trả dài hạn khác	3.608.841.675	3.044.336.199
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	58.635.723.685	62.006.527.885
I. Vốn chủ sở hữu	58.010.723.685	61.392.406.885
1. Vốn góp của chủ sở hữu	46.973.510.000	46.973.510.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	2.288.730.519	2.983.206.113
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.748.483.166	11.435.690.772
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	625.000.000	614.121.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	496.225.211.028	547.448.384.304

Phụ lục 03: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2021

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021	Ghi chú
I	Sản phẩm chủ yếu			
1	Sửa chữa thiết bị xe máy		59	
	- Sửa chữa xe gạt D85A, D7R...	Máy	6	
	- Máy xúc EKG 4,6-5A, 8H, 10m3	Máy	10	
	- Máy xúc thủy lực các loại, máy xúc đá trong lò, máy xúc lật...	Máy	15	
	- Máy khoan xoay cầu	Máy	8	
	- Máy khoan thủy lực các loại	Máy	2	
	- Sửa chữa thiết bị khác	Máy	18	
2	Chế tạo thiết bị	Tấn	1.500	
	- Chế tạo thiết bị ngành than	Tấn	600	
	Trong đó:			
	+ Chế tạo máy xúc lật hông VMC	Máy	2	
	+ Dàn chống thủy lực di động	Dàn	0	
	+ Cột chống thủy lực	Cột	6.000	
	+ Chế tạo xe goòng 3T	Xe	50	
	- Chế tạo TB sàng tuyển, nhiệt điện, các dự án trong TKV	Tấn	400	
	- Chế tạo thiết bị ngành khác	Tấn	500	
3	Chế tạo, phục hồi phụ tùng	Tấn	1.600	
	- Chế tạo phụ tùng ngành than	Tấn	600	
	- Chế tạo phụ tùng ngành khác	Tấn	500	
	- Phục hồi phụ tùng	Tấn	500	
4	Chế tạo, cán thép SVP			
	- Chế tạo vì lò	Tấn	33.500	
	- Cán thép vì chống lò	Tấn	80.000	
	Trong đó: Bán ra	Tấn	46.500	
5	Sản xuất và kinh doanh khác	Tr.đ	11.175	
	Sản xuất vật liệu xây dựng	Tr.đ	1.600	
	Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	8.000	
	Sản xuất O xy - Ni tơ	Tr.đ	1.575	
II	Doanh thu	Tr.đ	1.456.000	
1	Doanh thu sản xuất sản phẩm cơ khí	Tr.đ	1.444.325	
	- Bán trong ngành than	Tr.đ	1.401.825	
	- Bán ngoài ngành than	Tr.đ	42.500	
2	Doanh thu SX và kinh doanh khác	Tr.đ	11.175	
	Sản xuất vật liệu xây dựng	Tr.đ	1.600	
	Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	8.000	
	Sản xuất O xy - Ni tơ	Tr.đ	1.575	
3	Doanh thu hoạt động TC & khác	Tr.đ	500	
III	Giá vốn	Tr.đ	968.593	
	- Giá vốn phối thép cán	Tr.đ	961.073	
	- Giá vốn KD vật tư, thiết bị và hoạt động tài chính	Tr.đ	7.520	
IV	Giá trị sản xuất	Tr.đ	486.908	
	<i>Giá trị sản xuất cơ khí</i>	Tr.đ	483.253	
	<i>Sản xuất, dịch vụ khác</i>	Tr.đ	3.655	
	+ Sản xuất VLXD	Tr.đ	1.600	
	+ Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	480	
	+ Sản xuất O xy, ni tơ	Tr.đ	1.575	
V	Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	Tr.đ	1.445.001	
V.1	Chi phí trung gian	Tr.đ	1.295.337	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021	Ghi chú
	Nguyên vật liệu	Tr.đ	1.127.203	
	Nhiên liệu	Tr.đ	45.208	
	Đông lực	Tr.đ	24.609	
	Chi phí khác	Tr.đ	78.112	
	Chi phí thuê ngoài	Tr.đ	20.206	
V.2	Giá trị gia tăng (GDP)	Tr.đ	132.912	
	Khấu hao tài sản	Tr.đ	26.627	
	Tiền lương	Tr.đ	92.655	
	<i>Trong đó: VCQL</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>2.090</i>	
	Bảo hiểm xã hội, y tế, công đoàn	Tr.đ	13.631	
V.3	Chênh lệch đầu cuối kỳ	Tr.đ	-	
V.4	Chi phí hoạt động TC	Tr.đ	16.751	
VI	Lợi nhuận	Tr.đ	11.000	
	<i>Tỷ lệ LN/VCSH</i>	%	16,78	
VII	Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương			
1	Lao động định mức	người	870	
	<i>Trong đó (VCQL)</i>	<i>người</i>	<i>6</i>	
2	Tiền lương bình quân doanh nghiệp	1000đ/ng/th	8.875	
	<i>Tiền lương bq người lao động</i>	<i>1000đ/ng/th</i>	<i>8.735</i>	
	<i>Tiền lương bq (VCQL)</i>	<i>1000đ/ng/th</i>	<i>29.028</i>	
	Đơn giá tiền lương (đ/1000đ giá trị SX)	đ/1000 đgtsx	186	(Không bao gồm VCQL)
VIII	Cố tức	%	10	
IX	Nộp ngân sách		26.237	

Số: 88/BC-VMC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ VIỆC GIÁM SÁT GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ NĂM 2020

Kính thưa: Quý vị đại biểu, Cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị báo cáo với Đại hội đồng cổ đông 2021 về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021, nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020 TRONG NHIỆM KỲ 2018-2023

1. Nhân sự Hội đồng Quản trị

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 được Quý cổ đông tín nhiệm bầu chọn gồm có 5 thành viên và đến hết năm 2020 không có thay đổi về nhân sự, chức danh, cơ chế hoạt của HĐQT, cụ thể như sau:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG
1	Nguyễn Văn Tứ	Chủ tịch HĐQT	Kiểm nhiệm
2	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT – GD Công ty	Kiểm nhiệm
3	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	Kiểm nhiệm
4	Lê Việt Sự	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	Kiểm nhiệm
5	Nguyễn Anh Chung	Thành viên HĐQT	Kiểm nhiệm

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 27/2/2008 đã được sửa đổi bổ sung và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 vào ngày 26/4/2018.

- Hàng năm HĐQT đã báo cáo Đại hội cổ đông thường niên về hoạt động của HĐQT, cụ thể về việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc điều hành trong năm tài chính.

II. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2020

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020

Trên cơ sở Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận thức đúng đắn các thuận lợi và khó khăn ngay từ đầu năm 2020, đưa ra những

quyết sách đúng theo từng thời điểm, tình hình cụ thể, tận dụng tối đa lợi thế trong thực hiện Hợp đồng phối hợp kinh doanh trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, chủ động áp dụng kịp thời chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp về quản lý

Hội đồng quản trị Công ty đã phân công công việc cụ thể ở từng nội dung, lĩnh vực công tác cho các thành viên, chỉ đạo sâu sát đối với hoạt động ban Giám đốc Công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt được mục tiêu đề ra. Vốn của cổ đông được bảo toàn, bảo đảm chỉ tiêu lợi nhuận, ổn định đời sống người lao động, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH Đại hội cổ đông 2020	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	So KH Đại hội cổ đông 2020 (%)	So cùng kỳ 2019 (%)
1	Doanh thu	tr.đ	1.389.000	1.501.300	1.494.692	107,61	99,56
2	Chi phí sản xuất	tr.đ	1.378.700	1.487.082	1.482.572	107,53	99,70
3	Giá trị sản xuất	tr.đ	466.000	525.066	538.930	115,65	102,64
4	Lao động bình quân	người	870	860	860	98,85	100
5	Tổng quỹ tiền lương	tr.đ	86.742	98.707	99.208	114,37	100,51
6	Tiền lương bình quân	Nghỉ đ /ng/th	8.309	9.429	9.478	114,07	100,52
7	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	10.300	14.219	12.143	118	85,4
8	Cổ tức	%	10	10	10	100	100
9	Giá trị các dự án đầu tư	tr.đ	19.944	29.463	17.602	88	59,74
10	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn CSH	%		11,95	15,64		130,88
11	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn Điều lệ	%		14,9	20,64		138,52
12	Nợ ngắn hạn	Tr.đ		413.660	458.197		110,77
	- Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn.			174.405	182.303		104,53
13	Nợ dài hạn	Tr.đ		23.929	27.245		113,86
	- Trong đó: Vay và nợ dài hạn.			20.320	24.200		119,09
14	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn (=TSNH/NNH)			0,71	0,77		108,45

2. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên từ 2020

Hội đồng quản trị Công ty đã hoạt động tuân thủ Điều lệ Công ty, tuân thủ Pháp luật, tuân thủ các Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên. Hoạt động của HĐQT đều nhằm mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông, phát triển năng cao năng lực, hiệu quả sản xuất kinh doanh ổn định. Trong năm năm 2020 đã tiến hành

10 cuộc họp và đã ban hành 10 nghị quyết chỉ đạo và thông qua với các nội dung chủ yếu sau:

- Thông qua các chỉ tiêu và kết quả thực hiện của kế hoạch sản xuất tháng, quý của Công ty;

- Thông qua và ban hành Quyết định phê duyệt Dự toán các công trình đầu tư duy trì sản xuất hàng năm;

- Thông qua và ban hành Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với ông Lê Việt Sự.

- Thông qua và ban hành Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với ông Tăng Bá Khang.

- Thông qua và ban hành Quyết định về việc ban hành Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;

- Thông qua và ban hành Quyết định về việc ban hành Quy chế thực hiện hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;

- Thông qua và ban hành Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, HĐQT đã chỉ đạo, quyết nghị, phương hướng sản xuất kinh doanh hàng năm và chiến lược phát triển Công ty và giao cho Giám đốc triển khai thực hiện.

2.1. Về sử dụng vốn và hoạt động tài chính

Tình hình quản lý và sử dụng vốn: Công ty đã bảo toàn được vốn của các cổ đông, tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất. Trong năm 2020, tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn song Công ty vẫn bảo đảm được tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách, thuế với Nhà nước, thực hiện tốt quy định về nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,... thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định.

Các mặt hoạt động của Công ty như: Điều hành sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm, Vật tư, An toàn bảo hộ lao động, Đầu tư xây dựng cũng như các mặt quản lý Tài chính, Lao động tiền lương, Quản trị chi phí sản xuất,... hoàn thành toàn diện và vượt mức chỉ tiêu, yêu cầu đề ra.

2.2. Về công tác tổ chức cán bộ, phát triển nguồn nhân lực:

- Về công tác tổ chức, cán bộ:

+ Đã có nhiều nghị quyết chuyên đề về công tác tổ chức cán bộ: xây dựng, phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ kế cận, hàng năm đều có rà soát, bổ sung.

+ Ban hành các Quy chế quản lý làm cơ sở cho việc điều hành Công ty và các quy chế thường xuyên được rà soát hoàn thiện, trong năm đã tổ chức đánh giá năng lực cán bộ trong Công ty theo quy chế đã ban hành.

- Về công tác phát triển nguồn nhân lực: Từ mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh HĐQT đã đặc biệt coi trọng nhiệm vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2020 tập trung vào các việc: Đào tạo nghề thứ 2, nghề thứ 3 và kèm cặp nâng bậc nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho công nhân, bồi dưỡng đánh giá kỹ năng

nghề quốc gia cho người lao động. Đào tạo cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ quản lý.

2.3. Về công tác đầu tư xây dựng:

Căn cứ kế hoạch đã được HĐQT Công ty và Tập đoàn TKV phê duyệt, Công ty đã thực hiện kế hoạch đầu tư theo đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng. Cụ thể như sau:

Giá trị thực hiện năm 2020 đạt: 17.602/19.944 triệu đồng, tương ứng đạt 88% kế hoạch, trong đó:

- Chi phí thiết bị: 17.084/19.143 triệu đồng, đạt 89% kế hoạch năm;
- Chi phí xây lắp: 0 đồng;
- Chi phí khác: 518/801 triệu đồng, đạt 65% kế hoạch năm;

Tổng số các hạng mục đầu tư theo kế hoạch đã thực hiện đạt 100%.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Công ty luôn bám sát các nội dung yêu cầu, quy định của pháp luật; hướng dẫn thực hiện của các cấp, các ngành, của Tập đoàn TKV. Các dự án đầu tư đều được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được triển khai thực hiện theo luật định.

Các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo đúng mục đích, các thiết bị đầu tư đưa vào sử dụng đã phát huy được hiệu quả; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; mở rộng quy mô sản xuất, cải thiện điều kiện môi trường làm việc; nâng cao mức độ tự động hóa, đồng bộ hóa các thiết bị trong dây chuyền sản xuất và đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài ngành..

2.4. Công tác giám sát của HĐQT

Hội đồng quản trị thực hiện thường xuyên kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh, nhiệm vụ giám sát cán bộ quản lý, yêu cầu bộ máy điều hành báo cáo thường kỳ, đột xuất và kịp thời các biến động trong SXKD để HĐQT có biện pháp xử lý kịp thời. Kết quả các cán bộ quản lý đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Kết quả giám sát đối với Giám đốc:

Qua việc giám sát và đánh giá kết quả công tác, cho thấy Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT, chủ động ban hành và chỉ đạo quyết liệt các nhóm giải pháp trong điều hành, tổ chức sản xuất. Đã chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các quy định về báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản – an toàn lao động. Vì vậy Công ty đã hoàn thành toàn diện, tốt mục tiêu: Duy trì sản xuất, giữ vững đội ngũ và ổn định đời sống của người lao động hoàn thành các chỉ tiêu do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý:

Các cán bộ quản lý được HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện chống đối, thoái thác nhiệm vụ đồng thời đã tham mưu đề xuất để thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả tốt. Trong năm 2020 các cán bộ quản lý cấp phân xưởng, phòng ban đã được HĐQT Công ty đánh giá là đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- **Nhận xét chung:** Hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN trong năm 2020 đã tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình; Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời đã giúp cho việc quản lý, chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh tháo gỡ các khó khăn đặc biệt trong kinh doanh và Đầu tư xây dựng, trong năm 2020 đã thực hiện hoàn thành toàn diện, xuất sắc các chỉ tiêu, giữ vững sản xuất, duy trì và bảo toàn đội ngũ, ổn định đời sống công nhân lao động; duy trì bảo toàn và phát triển vốn cho các cổ đông.

Các chủ trương đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư đổi mới trang thiết bị, cải tạo nhà xưởng, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống đều đúng hướng, đúng mục tiêu. Từng bước đầu tư thiết bị, đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Hạn chế:

Mặc dù đạt được rất nhiều cố gắng và đạt được kết quả tốt ở các lĩnh vực chỉ đạo, quản lý, tuy nhiên về công tác quản trị Công ty còn có những hạn chế trong việc tổ chức điều hành SXKD, đòi hỏi Công ty phải tiếp tục có những giải pháp, phương án khắc phục để phân đầu hoàn thành kế hoạch của năm 2021.

2.5. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2020, HĐQT Công ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2020 như sau:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 và triển khai thực hiện phương hướng hoạt động năm 2021;

- Chi cổ tức năm 2019 cho cổ đông đúng quy định;

- Rà soát, hiệu chỉnh sửa đổi các quy chế của Công ty cho phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế tại Công ty;

- Lựa chọn Công ty Kiểm toán có kinh nghiệm và năng lực để chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2.6. Về tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy chế làm việc, ngoài ra còn tổ chức các cuộc họp đột xuất để giải quyết công việc theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, giải quyết hiệu quả các vấn đề quản lý.

- Biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị được lập đầy đủ, có chữ ký các thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp, đảm bảo đúng nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật, hồ sơ tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước khi họp.

- Các thành viên Hội đồng quản trị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhất trí cao và tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp hoặc có ý kiến bằng văn bản theo yêu cầu

để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2.7. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

a) Đánh giá kết quả hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị:

- Mặc dù còn nhiều khó khăn, HĐQT Công ty đã tập trung mọi nỗ lực để thúc đẩy các giải pháp, tăng cường quản trị, giám sát điều hành để bảo đảm Công ty hoạt động ổn định, vượt qua khó khăn.

- HĐQT đã chỉ đạo thực hiện đầy đủ nội dung Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Các thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt các chức năng chỉ đạo, quản lý, giám sát theo quy định. HĐQT đã có sự nhất trí cao khi thông qua các nghị quyết, biên bản cuộc họp để kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc :

- Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của Hội đồng quản trị, Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty, từ cơ sở này Hội đồng quản trị có điều kiện thực hiện giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh các hoạt động của ban điều hành.

- Tất cả các vấn đề phát sinh bất thường trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều được Giám đốc báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để nắm rõ diễn biến tình hình và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

- Giám đốc và Ban Giám đốc đã có nhiều cố gắng, nỗ lực điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2020.

2.8. Kết luận:

Trong năm 2020, HĐQT Công ty đã chấp hành và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mặc dù còn nhiều yếu tố tác động gây ảnh hưởng bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT và Ban Điều hành Công ty đã nỗ lực để vượt qua khó khăn, hạn chế các ảnh hưởng bất lợi này, kịp thời đưa ra những quyết định phù hợp nên đã đạt được kết quả tốt.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

1. Tình hình chung

Trong những năm tiếp theo (2021-2023) được dự báo nhân lực, việc làm, vốn và thị trường vẫn là vấn đề nóng bỏng, cạnh tranh trong sản xuất tiếp tục gay gắt. Công ty phải tiếp tục khắc phục khó khăn, phấn đấu duy trì ổn định sản xuất, giữ vững thị trường từng bước phát triển Công ty theo chiến lược phát triển Công ty trong giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn 2035.

2. Mục tiêu nhiệm vụ năm 2021

- Doanh thu: 1.456 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất: 486,908 tỷ đồng;
- Tổng chi phí sản xuất: 1.445 tỷ đồng;

- Lợi nhuận: 11 tỷ đồng;
- Lao động bình quân theo định mức: 870 người;
- Tiền lương bình quân: 8,880 triệu đồng/người/tháng;
- Cổ tức: 10%;
- Giá trị các dự án đầu tư: 34,08 tỷ đồng.

3. Giải pháp thực hiện:

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo tạo điều kiện tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, mà trọng tâm là nâng cao chất lượng lao động công nghệ và đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt, hoàn thiện các quy chế để đảm bảo hoạt động của Công ty bền vững, ổn định, thông suốt và hiệu quả.

Tăng cường giám sát hoạt động của Ban điều hành, tiếp tục đẩy mạnh Cơ giới hóa – Tự động hóa – Tin học hóa đảm bảo tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng đối với hàng hóa và dịch vụ để tăng sức cạnh tranh trên thị trường và tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường.

Phối hợp với tổ chức Đảng và đoàn thể trong công tác quy hoạch, đào tạo, bổ trí sử dụng cán bộ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện chính sách tiền lương, tiền công phù hợp với năng suất lao động, công bằng trong phân phối thu nhập.

Trên đây là báo cáo công tác quản trị của HĐQT và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT trong năm 2020. Hội đồng quản trị trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN năm 2021./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty (e-copy);
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Lưu VT, T.ký. *Ue*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tứ



[The text in this section is extremely faint and illegible due to the quality of the scan. It appears to be a multi-paragraph document.]

Số: 883/BKS-VMC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN được Đại hội đồng Cổ đông sửa đổi thông qua ngày 26/4/2018;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo kiểm toán năm 2020 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN đã được soát xét và thẩm định;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC chấp nhận toàn phần. Sau khi soát xét, thẩm định số liệu trên các báo cáo, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua với những nội dung như sau:

1. Bảng cân đối kế toán

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2020	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2020
A	Tài sản ngắn hạn	294.947.021.784	354.529.110.622
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.876.134.347	2.214.510.706
1	Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng	2.876.134.347	2.214.510.706
II	Các khoản phải thu ngắn hạn	193.745.980.829	202.198.063.206
1	Nợ phải thu khách hàng	200.817.882.633	213.639.899.003
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.467.300.000	285.120.000
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	6.000.000	5.181.818
4	Phải thu ngắn hạn khác	20.234.952.443	21.059.500.804
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(32.780.154.247)	(32.791.638.419)
III	Hàng tồn kho	90.331.667.434	142.629.055.862
1	Hàng tồn kho	94.036.687.415	142.750.016.177
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.705.019.981)	(120.960.315)
IV	Tài sản ngắn hạn khác	7.993.239.174	7.487.480.848
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	5.611.600.231	7.487.480.848
2	Thuế GTGT được khấu trừ	2.381.638.943	-
B	Tài sản dài hạn	201.278.189.244	192.919.273.682

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2020	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2020
I	Tài sản cố định	188.685.507.942	173.141.489.297
1	Tài sản cố định hữu hình	188.584.338.993	171.633.274.786
	- Nguyên giá	563.337.282.914	560.614.520.368
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(374.752.943.921)	(388.981.245.582)
2	Tài sản cố định vô hình	101.168.949	1.508.214.611
	- Nguyên giá	523.444.170	2.228.444.170
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(422.275.221)	(720.229.559)
II	Tài sản dở dang dài hạn		162.377.923
1	Chi phí XDCB dở dang		162.377.923
III	Tài sản dài hạn khác	12.592.681.302	19.615.406.362
1	Chi phí trả trước dài hạn	12.592.681.302	19.615.406.362
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	496.225.211.028	547.448.384.304
C	Nợ phải trả	437.589.487.343	485.441.856.419
I	Nợ ngắn hạn	413.660.307.016	458.197.181.568
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	174.405.549.451	182.303.421.642
2	Phải trả người bán ngắn hạn	187.526.461.310	238.847.578.315
3	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.148.988.994	81.596.743
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.374.197.718	932.749.235
5	Phải trả người lao động	24.118.318.749	22.573.169.428
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	220.629.460	475.766.084
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	15.343.188.099	10.835.135.161
9	Phải trả ngắn hạn khác	1.009.938.779	1.504.187.451
10	Quỹ khen thưởng phúc lợi	513.034.456	643.577.509
II	Nợ dài hạn	23.929.180.327	27.244.674.851
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20.320.338.652	24.200.338.652
2	Dự phòng phải trả dài hạn	2.808.841.675	2.244.336.199
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	800.000.000	800.000.000
D	Vốn chủ sở hữu	58.635.723.685	62.006.527.885
I	Vốn chủ sở hữu	58.010.723.685	61.392.406.885
1	Vốn góp của chủ sở hữu	46.973.510.000	46.973.510.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	2.288.730.519	2.983.206.113
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.748.483.166	11.435.690.772
	- LNST chưa phân phối năm trước	1.736.213.519	1.736.213.519
	- LNST chưa phân phối kỳ này	7.012.269.647	9.699.477.253
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	625.000.000	614.121.000
1	Nguồn kinh phí	625.000.000	614.121.000
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	496.225.211.028	547.448.384.304

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.500.800.243.862	1.492.249.238.762
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cc dịch vụ	1.500.800.243.862	1.492.249.238.762
4	Giá vốn hàng bán	1.364.807.278.002	1.386.855.235.735
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.992.965.860	105.394.003.027
6	Doanh thu hoạt động tài chính	14.655.327	20.469.331
7	Chi phí tài chính	15.121.672.163	15.463.507.983
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>15.060.579.588</i>	<i>14.113.581.047</i>
8	Chi phí bán hàng	15.175.877.092	9.313.567.063
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	74.630.612.028	70.227.946.860
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	31.079.459.904	10.229.450.452
11	Thu nhập khác	485.760.278	2.423.156.304
12	Chi phí khác	17.345.759.535	509.120.307
13	Lợi nhuận khác	(16.859.999.257)	1.914.035.997
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.219.460.647	12.143.486.449
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.207.191.000	2.444.009.196
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.012.269.647	9.699.477.253
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 CP)	1.493	2.065

3. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	59	65
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	41	35
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	88	89
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	lần	12	11
	- Nợ phải trả/ Vốn CSH	lần	7,4	7,8
003	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,50	0,46
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,71	0,77
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,41	1,77
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,50	0,64
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	12,08	15,79

4. Tình hình phân chia lợi nhuận

Kết thúc năm 2020, cổ tức của Công ty dự kiến chi trả theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 là 10%, việc trích lập các quỹ, quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 lúc đó Công ty mới thực hiện hạch toán phân chia cổ tức và các quỹ tại ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban GD (e-copy, b/c);
- Các Cổ đông;
- Các Ủy viên BKS (e-copy);
- Lưu: BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hoàng Mạnh Hùng

Số: 884 /BKS-VMC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về hoạt động quản lý Công ty của HĐQT, Ban Giám đốc
Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN đã được sửa đổi bổ sung thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2018;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty số 2119/QC-BKS ngày 27 tháng 7 năm 2016.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông năm 2021 kết quả giám sát trên các mặt hoạt động đối với nhiệm vụ SXKD năm 2020 và tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2020 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

Trong năm 2020, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, đã tiến hành các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch công tác năm 2020 và triển khai các nhiệm vụ kiểm soát theo nội dung kế hoạch;
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2020; Tình hình thực hiện Hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc Công ty với Tập đoàn;
- Kiểm tra việc thực hiện các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD, trong việc triển khai kế hoạch đầu tư;
- Kiểm tra việc điều hành và thực hiện kế hoạch SXKD theo từng tháng, quý, đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch của từng tháng;
- Kiểm tra việc tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo chế độ báo cáo. Kiểm tra công tác hạch toán kế toán, ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh và kết quả hoạt động SXKD;
- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được HĐQT Công ty phê duyệt, việc thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên;
- Giám sát các đơn vị trong Công ty đối với việc thực hiện các quy định, quy chế nội bộ của Công ty; quy chế khoán quản trị chi phí trong nội bộ Công ty;

- Kiểm tra việc thực hiện mua sắm TSCĐ, tình hình trích khấu hao TSCĐ và quản lý tài sản theo quy định, việc mua sắm vật tư phục vụ sản xuất;

- Kiểm tra việc thực hiện các chế độ thu, nộp ngân sách với Nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ trong Công ty;

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc với tinh thần trách nhiệm, tham gia ý kiến tích cực, khách quan với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty về các nội dung của cuộc họp;

- Hàng quý Ban Kiểm soát thực hiện soát xét và thẩm định báo cáo tình hình SXKD, báo cáo tài chính và các báo cáo có liên quan đảm bảo các số liệu được phản ánh tin cậy tình hình sản xuất kinh doanh và thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm lập báo cáo.

II. Kết quả giám sát của Ban kiểm soát

1. Việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2020

Kết quả giám sát thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020 thông qua các chỉ tiêu chủ yếu đạt được như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHCĐ năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu	Tr.đ	1.389.000	1.492.249	107,4
2. Giá trị sản xuất	Tr.đ	466.000	538.930	115,6
3. Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	86.742	99.208	114,3
4. Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/thg	8,3	9,6	115,6
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	10.300	12.143	117,8
6. Cổ tức	%	10	10	100

2. Về hoạt động quản lý Công ty của HĐQT

- Trong năm 2020 HĐQT thực hiện chức năng quản lý và điều hành Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quy chế, Quyết định;

- HĐQT ban hành 10 Nghị quyết, 04 Quy chế và 03 Quyết định, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và tình hình quản lý tại Công ty, nhằm thực hiện đạt mục tiêu nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020 đề ra, phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;

- Trên cơ sở các quy định mới của Nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo công tác sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế như: Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của Công ty theo Quyết định số 802/QĐ-VMC ngày 30/3/2020; Quyết định số 918/QĐ-VMC ngày 08/04/2020 V/v Ban hành Quy chế thực hiện hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương; Quyết định số 3600/QĐ-VMC ngày 26/11/2020 của HĐQT V/v

Ban hành Quy chế hoạt động của Chi nhánh Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN.

Đánh giá về hoạt động quản lý Công ty của HĐQT trong năm 2020

- Công tác điều hành của HĐQT trong năm 2020 đã hoàn thành tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Quyết định số 2225/QĐ-VMC ngày 10/8/2018 và Quyết định số 978/QĐ-VMC ngày 13/04/2020;

- Các thành viên HĐQT đã chủ động xây dựng kế hoạch công tác theo lĩnh vực được phân công, chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Pháp luật. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành đều có sự nhất trí cao của các thành viên trong HĐQT. Nghị quyết ban hành được tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty;

- Việc chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đề ra đã thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu. Trong đó các chỉ tiêu gắn với quyền lợi của Cổ đông như: Lợi nhuận, thu nhập bình quân, tỷ lệ chia cổ tức,...vv đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra;

Thông qua việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 của HĐQT, Ban Kiểm soát đánh giá cao sự nỗ lực, tính năng động của từng thành viên HĐQT trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh trong năm qua đều hướng tới lợi ích chung của Công ty, của các cổ đông, đảm bảo vai trò định hướng phát triển Công ty theo đúng định hướng, góp phần đem lại việc làm ổn định cho người lao động; về doanh thu tăng 7,4% so với KH; về lợi nhuận trước thuế tăng 17,8%; về thu nhập bình quân của người lao động tăng 15,6% so với KH. Tập thể các thành viên HĐQT thể hiện tinh thần đoàn kết vì mục tiêu chung là ổn định và phát triển sản xuất của Công ty.

3. Giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, các Nghị quyết của HĐQT để chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức triển khai đồng bộ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn với Công ty;

- Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp điều hành nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Chủ động xây dựng và ban hành nhiều quyết định quan trọng để làm cơ sở điều hành như: Ban hành Quyết định số 01 ngày 02/01/2020 V/v Ban hành các giải pháp chỉ đạo và điều hành thực hiện KHSXKD năm 2020; Quyết định số 02 ngày 02/01/2020 V/v Ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2020 của các đơn vị trong Công ty; Quyết định số 2569/QĐ-VMC ngày 25/8/2020 V/v Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng phương án sử dụng có hiệu quả sắt thép phế liệu; Quyết định số 3895/QĐ-VMC ngày 21/12/2020 V/v Quy định quản lý giá sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ nội bộ của Công ty,...vv;

- Tiếp tục điều hành có hiệu quả giải pháp nâng cao dây chuyền cán thép; Giải pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất. Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tăng cường sự phối hợp để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, rà soát tình hình

thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty để chủ động điều hành theo nhu cầu của thị trường; Chú trọng công tác thực hành tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh, trong đầu tư xây dựng cơ bản và các khoản chi phí bằng tiền khác;

- Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc tìm kiếm việc làm, chủ động khai thác tốt công việc từ ngoài ngành than, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị truyền thống trong TKV đem lại việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty được ổn định;

- Đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hợp lý, thực hiện theo đúng nghị quyết của HĐQT, của Đại hội đồng cổ đông đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

- Thực hiện đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, công khai, minh bạch;

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch SXKD của Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu theo KH PHKD như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	So sánh (%) TH/KH
A	B	C	1	2	3
1	Chế tạo thiết bị				
	- Thiết bị ngành than	Tấn	600	353	58,9
	+ Cột chống thủy lực các loại	Cột	6.000	6.644	110,7
	+ Giá khung thủy lực di động	Dàn	50	-	
	- Máy xúc VMC 500	Máy	2	-	
	- Xe goòng 3 tấn	Xe	50	-	
	- Xe goòng 1 tấn	Xe	-	40	
	- Thiết bị theo dự án trong TKV	Tấn	400	482	120,5
	- Thiết bị khác	Tấn	500	326	65,3
2	Chế tạo phụ tùng				
	- Phụ tùng ngành than	Tấn	600	891	148,5
	- Phụ tùng khác	Tấn	500	425	85
	- Vòi chống lò các loại	Tấn	30.000	34.891	116,3
	- Thép cán vòi lò	Tấn	71.000	80.847	113,9
	<i>Trong đó: Bán ra</i>	<i>Tấn</i>	<i>40.500</i>	<i>45.658</i>	<i>112,7</i>
3	Sửa chữa thiết bị xe máy				
	- Xe gạt các loại	Cái	8	8	100
	- Máy xúc 4,6; 5A; 8u	Cái	9	10	111
	- Máy xúc thủy lực các loại	Cái	11	12	109
	- Máy khoan xoay cầu	Cái	9	8	89
	- Máy khoan khác	Cái	1	3	300
	- Thiết bị khác	Cái	18	21	116,7
4	Phục hồi phụ tùng	Tấn	500	398	80

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	So sánh (%) TH/KH
A	B	C	1	2	3
5	Doanh thu	Tr đ	1.389.000	1.492.249	107,4
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	10.300	12.143	117,8
7	Thu nhập bình quân (trđ/ng/thg)	Tr đ	8,3	9,6	115,6
8	Cổ tức	%	10	10	100
9	Giá trị ĐTXDCB	Tr đ	19.945	16.251	81,4

Ban Giám đốc trong năm 2020 đã thực hiện tốt chức năng chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ sản xuất trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của HĐQT Công ty. Ban hành các giải pháp quản lý, điều hành sản xuất năm 2020 kịp thời, có hiệu quả, góp phần vào việc thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đề ra và Hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đã đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra như: Về doanh thu, lợi nhuận, về công tác đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất, hoàn thành các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và địa phương, đảm bảo thu nhập tiền lương cho người lao động được nâng cao, đảm bảo cổ tức cho các cổ đông ở mức cao, vốn kinh doanh của các cổ đông được sinh lời trong điều kiện đối với doanh nghiệp cơ khí có khó khăn về vốn, việc làm.

III. Giám sát các mặt hoạt động khác

1. Quản lý vốn, bảo toàn và phát triển vốn

- Vốn chủ sở hữu đầu kỳ: 58.635.723.685 đ

- Vốn chủ sở hữu cuối kỳ: 62.006.527.885 đ

Tổng số vốn điều lệ đến 31/12/2020: 46.973.510.000 đ

Trong đó:

- Vốn đầu tư của TKV: 19.251.000.000 đ bằng 40,98 %;

- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và XNK Hải Đăng: 3.580.000.000 đ, bằng 7,62%;

- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam: 722.710.000 đ, bằng 1,53%;

- Công đoàn Công ty CP Chế tạo máy: 704.660.000 đ, bằng 1,5%;

- Công ty chứng khoán FPT: 300.000 đ, bằng 0,00063%;

- Vốn Cổ phần (các cổ đông cá nhân): 22.714.840.000 đ, bằng 48,36 %

- Công ty đã mở sổ sách theo dõi và hạch toán tình hình biến động của nguồn vốn theo quy định. Sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, đã bảo toàn và phát triển vốn.

- Công ty đã huy động và sử dụng vốn huy động đúng mục đích, vốn vay dài hạn để thực hiện đầu tư các công trình XDCB trọng điểm phục vụ sản xuất, đáp ứng nhu cầu mở rộng và tăng năng lực sản xuất của Công ty. Vốn vay ngắn

hạn dùng để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, mua vật tư, chi phí phục vụ sản xuất,...vv;

Tổng số vốn huy động trong năm (Các khoản vay ngân hàng): 478,554 tỷ đồng;

Trong đó:

- Vay chi đầu tư XD/CB: 14,899 tỷ đồng

- Vay chi hoạt động sản xuất kinh doanh: 463,65 tỷ đồng.

Số dư vốn vay đến 31/12/2020: 206,503 tỷ đồng;

Trong đó:

- Vốn vay ngắn hạn các Ngân hàng thương mại: 169,938 tỷ đồng

- Vay dài hạn các Ngân hàng: 34,545 tỷ đồng

- Vay cá nhân của CN Công ty 2,02 tỷ đồng

2. Quản lý tài sản

- Tổng giá trị tài sản đến 31/12/2020: 547,448 tỷ đồng, tăng so năm 2019 là 51,22 tỷ đồng. Trong đó tăng ở khoản phải thu khách hàng 12,8 tỷ đồng; tăng hàng tồn kho 48,71 tỷ đồng; tăng tài sản dài hạn khác 7,02 tỷ đồng;

- Đối với tài sản là vốn bằng tiền gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng: Công ty đã mở sổ sách theo dõi các khoản thu chi theo thứ tự ngày tháng phát sinh và nội dung kinh tế phát sinh. Cuối tháng được xác nhận số dư trên sổ sách với số dư thực tế thông qua biên bản kiểm quỹ và xác nhận số phụ với các ngân hàng. Số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng được kiểm soát chặt chẽ, không để số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng quá lớn trên tài khoản, tập trung ưu tiên thanh toán các khoản nợ đến hạn với các ngân hàng và khách hàng nhằm giảm dư gốc vay và lãi phát sinh;

- Đối với khoản phải thu công nợ với khách hàng và phải thu công nợ khác: Công ty đã ban hành quy chế quản lý nợ theo Quyết định số 2689/QĐ-VMC ngày 28/9/2016 và thành lập hội đồng xử lý nợ theo Quyết định số 2630/QĐ-VMC ngày 14/9/2018 để phân công nhiệm vụ và quy định trách nhiệm đối với từng thành viên trong Hội đồng xử lý nợ Công ty. Đối với khoản phải thu ngắn hạn khách hàng thường xuyên có số dư nợ phải thu lớn, Công ty đã chủ động làm việc với các khách hàng để thanh toán tiền hàng và thường xuyên thông báo các khoản nợ của các đơn vị mua thép lò và vì chống lò với Tập đoàn nhờ thu hộ thông qua bù trừ công nợ hoặc chuyển tiền trực tiếp về tài khoản của Công ty. Số tiền thanh toán bù trừ với các đơn vị về tiền thép lò trong năm 2020 là 1.072,64 tỷ đồng. Trong đó: Công ty CP Cơ khí mỏ và Đóng tàu: 419,81 tỷ đồng; Công ty CP Cơ khí ô tô Ưông Bí 231 tỷ đồng.

- Nợ phải thu khó đòi: Trong năm Công ty không phải trích lập dự phòng phải thu công nợ khó đòi vào chi phí. Tuy nhiên khoản nợ khó đòi của một số khách hàng đã được trích lập dự phòng từ những năm trước có số dư nợ đến cuối năm là 32,791 tỷ đồng, Công ty tiếp tục theo dõi trên sổ sách kế toán. Đáng chú ý là dự án nhiệt điện Sơn Động vẫn chưa quyết toán xong với tổng thầu HPE Trung Quốc với số tiền 9,3 tỷ đồng; số nợ phải thu về khoản nợ phải thu từ

hàng hóa cho Công ty than Nam Mẫu vay từ năm 2015 số tiền 19,2 tỷ đồng vẫn chưa được thu hồi, các khoản nợ này đã được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để đảm bảo an toàn về tài chính khi gặp rủi ro trong nghĩa vụ thanh toán. Công ty đang tiếp tục làm việc với Công ty than Nam Mẫu về thu hồi hàng hóa cho vay theo kế hoạch số 3679/VMC-KHVT ngày 02/12/2020 và làm việc với TKV, Tổng Công ty Điện lực - TKV về quyết toán với nhà thầu HPE Trung quốc để thu hồi số nợ nhà thầu chưa thanh toán.

3. Giám sát đối với công tác quản lý vật tư

- Đối với quản lý hàng tồn kho: Công ty thực hiện nhập - xuất vật tư hàng hóa được theo dõi trên thẻ kho, định kỳ có xác nhận số dư trên thẻ kho giữa kế toán và thủ kho. Nhằm quản lý tốt hàng hóa trong kho, Công ty đã phân loại và lập hồ sơ đề xuất trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với những loại vật tư chậm luân chuyển, khó tiêu thụ, lạc hậu kỹ thuật nhằm từng bước xử lý bán thu hồi vốn. Hiện tại số dự phòng giảm giá hàng tồn kho còn được trích lập đến cuối năm là 120.960.315 đ;

Giá trị thực hiện mua sắm vật tư trong năm 2020: 1.245,05 tỷ đồng/ 1.279,87 tỷ đồng theo Hợp đồng. Gồm có:

+ Vật tư mua trong TKV: 970,57 tỷ đồng

- Giá trị vật tư mua trong ngành có Hợp đồng: 970,51 tỷ đồng/ 978,38 tỷ đồng. Trong đó nhập mua phôi thép của Tổng Công ty Khoáng sản 87.371,24 tấn với giá trị 911,50 tỷ đồng.

- Giá trị vật tư mua trong ngành không có hợp đồng: 55,86 triệu đồng

+ Vật tư mua ngoài TKV: 274,48 tỷ đồng, Trong đó:

- Giá trị vật tư mua ngoài có hợp đồng: 273,07 tỷ đồng /301,49 tỷ đồng

- Giá trị vật tư mua ngoài không có hợp đồng: 1,40 tỷ đồng. Trong đó mua xăng dầu 1,02 tỷ đồng; vật tư nhỏ lẻ khác 380 triệu đồng.

Giá trị vật tư tồn kho nguyên vật liệu đến 31/12/2020 là 90,19 tỷ đồng, Trong đó: Tồn thép SVP 17, SVP 22, SVP27 do Công ty sản xuất là 2.235,41 tấn với giá trị 32,253 tỷ đồng; Tồn kho sắt thép phế liệu các loại 6.825,38 tấn với giá trị tồn kho 23,96 tỷ đồng;

Giá trị tồn kho vật tư đến thời điểm cuối năm 2020 đảm bảo tỷ lệ tồn kho ở mức thấp 4,35% trên tổng số vật tư đã xuất dùng cho sản xuất trong năm, dưới mức yêu cầu điều hành quản lý tồn kho vật tư của TKV.

Đánh giá chung về công tác quản lý, sử dụng vật tư

- Công ty đã thực hiện tốt Quy chế quản lý vật tư số 4089/QĐ-VMC ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Quy chế số 2020/QĐ-TKV ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tập đoàn V/v Ban hành quy chế quản lý vật tư của TKV;

- Việc mua bán vật tư, tài sản đều tuân thủ theo đúng quy chế quản lý vật tư của Công ty đã ban hành, đảm bảo công khai, minh bạch trong từng khâu tổ chức mua sắm thông qua họp Hội đồng giá hàng tuần, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất của Công ty.

4. Giám sát thực hiện công tác sửa chữa lớn

Kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ theo Thông báo số 6326/TKV-KH ngày 23/12/2019 với giá trị: 19.315 triệu đồng, được thực hiện gồm các công trình sửa chữa sau:

TT	Tên công trình	Kế hoạch (đồng)	Thực hiện (đồng)
	Tổng số	19.315.000.000	17.145.022.470
I	Tự làm	3.950.000.000	10.437.261.106
1	Dây chuyền cán thép vì lò	2.500.000.000	9.006.456.643
2	Máy đập 250 tấn	250.000.000	222.872.642
3	Máy cắt J21-250	300.000.000	300.310.990
4	Cầu trục dầm kép số 2659	350.000.000	341.754.575
5	Cầu trục dầm kép 5T số 2684	250.000.000	283.947.070
6	Cầu trục dầm kép 16/3,2T 2685	300.000.000	281.919.186
II	Thuê trong TKV	1.270.000.000	1.145.935.411
7	Xe tải KAMAZ 14P-0752	400.000.000	363.979.000
8	Xe đầu kéo KAMAZ 14M-0651	450.000.000	405.205.000
9	Xe tải tự đổ 14N- 1443	420.000.000	376.751.411
III	Thuê ngoài TKV	14.095.000.000	5.561.825.953
10	Dây chuyền cán thép vì lò	7.000.000.000	1.251.916.000
11	Máy tiện dừng 1 trụ	1.250.000.000	1.054.728.000
12	Hệ thống nắn thẳng nhiệt luyện	2.000.000.000	
13	Xe cầu TADANO	2.200.000.000	1.968.058.000
14	Nhà xưởng No2	1.645.000.000	1.287.123.953

Kết thúc năm 2020, giá trị sửa chữa lớn theo KHPHKD thực hiện hoàn thành theo quyết toán 17.145 tr đồng/19.315 tr đồng, bằng 88,7% KH; Số lượng các công trình sửa chữa thực hiện 12/13 công trình bằng 92% KH năm.

Công ty đã phân bổ chi phí SCL TSCĐ vào giá vốn theo đúng tiêu thức phân bổ và thời gian sử dụng của TSCĐ đã được sửa chữa.

Đánh giá về công tác sửa chữa lớn TSCĐ năm 2020

Công ty đã thực hiện đúng theo hướng dẫn tại Công văn số 6326/TKV-KH ngày 23/12/2019 của TKV v/v thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2019. Việc lập dự toán, phê duyệt quyết toán sửa chữa lớn, xét chọn đơn vị sửa chữa, nghiệm thu bàn giao đưa tài sản sau sửa chữa lớn vào hoạt động và phân bổ các chi phí sửa chữa lớn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2020 được thực hiện theo đúng quy định, đúng chế độ.

5. Giám sát tình hình quản lý và thực hiện đầu tư năm 2020

Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2020 được TKV Thông báo điều chỉnh theo Công văn số 4823/TKV-ĐT ngày 06/10/2020 V/v thông báo kế hoạch đầu tư năm 2020 điều chỉnh. Giá trị thực hiện đầu tư năm 2020 đạt 16.251 triệu đồng/19.945 triệu đồng bằng 81,4 % kế hoạch năm.

Số lượng công trình, hạng mục đầu tư trong năm 2020 Công ty thực hiện theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt góp phần vào việc tăng thêm năng lực sản xuất cho Công ty và tạo đà cho phát triển sản xuất của Công ty trong những năm tiếp theo.

TT	Tên công trình	Kế hoạch	Thực hiện
	Tổng số	19.945.000.000	16.251.488.410
I	Dự án ĐT & PTSX 2019-2020	6.836.000.000	5.853.502.250
1	Máy tiện CNC	1.782.000.000	1.620.000.000
2	Xe ô tô tự đổ 15 – 18 tấn	1.650.000.000	1.400.000.000
3	Xe ô tô đầu kéo	2.420.000.000	2.070.000.000
4	Máy nén khí 132 KW	693.000.000	629.000.000
5	Chi phí kiểm toán, TT, PD	291.000.000	134.502.250
II	Dự án ĐT hiện đại hóa TBCN	12.679.000.000	9.705.249.673
1	Thiết bị nhiệt luyện bề mặt	1.100.000.000	995.000.000
2	Cầu địa hình 25-30 tấn	7.150.000.000	6.318.000.000
3	Máy phát điện có bộ ATS	1.980.000.000	-
4	Cầu trục dầm đôi	663.000.000	602.900.000
5	Hệ thống quản lý nhân lực	416.000.000	415.000.000
6	Phần mềm thiết kế CN đúc	1.290.000.000	1.290.000.000
7	Chi phí lập BCKTKT, HSMT	80.000.000	84.349.673
III	Dự án ĐTDĐ & PTSX 2017-2018	87.000.000	108.586.013
1	Chi phí kiểm toán, TT, PD	87.000.000	108.586.013
IV	Dự án nâng cao năng lực SX kết cấu thép	56.000.000	51.661.474
1	Chi phí kiểm toán, TT, PDQT	56.000.000	51.661.474
V	Dự án phục hồi TSCĐ 2019	60.000.000	55.908.000
1	Chi phí kiểm toán, TT, PDQT	60.000.000	55.908.000
VI	Dự án chế tạo máy xúc VMC	27.000.000	25.515.000
1	Chi phí kiểm toán, TT, PDQT	27.000.000	25.515.000
VII	Dự án nâng cao NLTB dây chuyền cán thép	200.000.000	451.066.000
1	Lập BCKTKT	200.000.000	
2	Dây chuyền cán thép U,I		451.066.000

Nhận xét chung về công tác đầu tư 2020

Công ty đã thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông báo số 4823/TKV-ĐT ngày 06/10/2020 V/v thông báo kế hoạch đầu tư năm 2020 điều chỉnh; Trình tự thực hiện các dự án đầu tư theo đúng các quy định của pháp luật hướng dẫn như đối với công tác lập hồ sơ mời thầu, công tác đấu thầu qua mạng, quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo và ký hợp đồng. Số lượng các dự án đầu tư theo kế hoạch đã thực hiện đạt 94%; về giá trị thực hiện đạt 81,4 % KH. Tuy nhiên

còn 01 dự án do công tác lập hồ sơ mời thầu, công tác đấu thầu qua mạng triển khai chậm nên không hoàn thành trong năm 2020 và phải chuyển sang quý I/2021 thực hiện đó là Dự án đầu tư Máy phát điện có bộ ATS với giá trị 1.980 tr đồng.

6. Đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban Kiểm soát đã tuân thủ đúng chức trách, nhiệm vụ của mình và chấp hành đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty. Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với HĐQT, Ban Giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định và có tốc độ tăng trưởng. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ. Những ý kiến đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát luôn được Ban Giám đốc tiếp thu và có chỉ đạo cụ thể nhằm đáp ứng theo yêu cầu quản lý quy định. Trong năm 2020, Ban Kiểm soát chưa nhận được bất cứ sự phản hồi cũng như đơn thư tố cáo, khiếu nại của các cổ đông về hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công tác sản xuất kinh doanh tại Công ty.

IV. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát

Năm 2020 là một năm đối với Công ty tuy có gặp một số khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh như công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất chung của Công ty, thiếu thợ sửa chữa thiết bị và thợ gia công cơ khí lành nghề, vật tư phục vụ sửa chữa thiết bị và chế tạo cột chống thủy lực có lúc chưa đáp ứng được cho sản xuất. Tuy nhiên kết thúc năm kế hoạch, Công ty đã hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu cơ bản theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và Hợp đồng phối hợp kinh doanh với TKV. Trong đó doanh thu sản xuất tăng 7,4% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế tăng 17,8 % so với kế hoạch đầu năm; Vốn của cổ đông và các nhà đầu tư được bảo toàn; Cổ tức đảm bảo cho các cổ đông 10% so với Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2020.

Tuy nhiên về quản lý vốn và tài sản trong năm 2020 vẫn còn tồn tại những vấn đề chưa được giải quyết tháo gỡ như: Số lượng hàng hóa cho Công ty than Nam Mẫu vay mượn với giá trị lớn đến nay vẫn chưa thu hồi được; Giá trị tồn kho đối với vật tư thu hồi và vật tư sắt thép phế liệu với giá trị lớn chưa có phương án giải quyết; Tỷ lệ lao động gián tiếp vẫn còn cao so với yêu cầu quản lý,...vv.

Để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 và công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, Công ty cần ưu tiên tập trung giải quyết các nội dung sau đây:

1. Đề nghị Công ty cần ưu tiên tập trung giải quyết dứt điểm thu hồi hàng hóa đã cho Công ty than Nam Mẫu vay theo kế hoạch số 3679/VMC-KHVT ngày 02/12/2020 V/v Thu hồi hàng hóa cho Công ty than Nam Mẫu vay từ năm 2015;
2. Công ty cần có phương án sử dụng hiệu quả lượng sắt thép phế liệu tồn kho với khối lượng và giá trị lớn để tăng hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh

doanh của Công ty, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động, tăng nhanh vòng quay hàng tồn kho;

3. Xác định, đánh giá những loại vật tư, BTP, TP chậm luân chuyển còn tồn kho đến 31/12/2020 để có phương án xử lý;

4. Cần sớm phê duyệt báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đối với Dây chuyền cán thép U, I theo Thông tư số 10/2020 ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành đối với giá trị tài sản hình thành sau đầu tư;

5. Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, định biên lao động đối với lao động quản lý, phục vụ phụ trợ theo hướng dẫn của TKV và thực tế của Công ty.

V. Kế hoạch công tác năm 2021

- Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ Công ty. Thay mặt cổ đông thực hiện kiểm soát mọi hoạt động điều hành Công ty; Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các Quyết định của Ban Giám đốc.

- Thẩm tra tính trung thực số liệu báo cáo tài chính, báo cáo thống kê và các báo cáo khác có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

- Thực hiện kiểm soát theo kế hoạch chương trình đã được xây dựng ngay từ đầu năm.

- Giám sát việc thực hiện kiến nghị kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Trên đây là báo cáo giám sát của Ban Kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của HĐQT, Ban Giám đốc, báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020 và kế hoạch kiểm soát năm 2021. Ban Kiểm soát xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông năm 2021 xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Ban KSNB TKV (b/c);
- HĐQT Cty; Ban GD (e-copy, b/c);
- Các cổ đông tham dự đại hội;
- Các Ủy viên BKS (e-copy);
- Lưu: Ban KS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hoàng Mạnh Hùng

Số: 885 /BKS-VMC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập
Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-BTC ngày 12/11/2020 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho các doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty thông qua các tiêu chuẩn và danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

I. Các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập được Bộ Tài chính chấp thuận cho các doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề theo Quyết định số 1773/QĐ-BTC ngày 12/11/2020.

- Có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có năng lực trình độ với nhiều năm kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty.

II. Danh sách đề xuất các Công ty Kiểm toán

1. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 15- Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Chi nhánh Quảng Ninh: Số 8 Chu Văn An, thành phố Hạ Long

3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Trụ sở chính: Tầng 12A, Tòa nhà 319, Số 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

III. Ý kiến của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đánh giá đây là các công ty kiểm toán độc lập có uy tín và chất lượng đối với báo cáo kiểm toán được phát hành, được nhiều đơn vị có lợi ích công chúng tin cậy ký hợp đồng thực hiện dịch vụ kiểm toán. Vì vậy Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua danh sách trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao Giám đốc điều hành ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo quy định.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban GD (e-copy, b/c);
- Các cổ đông;
- Các Ủy viên BKS (e-copy);
- Lưu: BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hoàng Mạnh Hùng

Số: 886 /TTr-VMC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc xin duyệt Phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận
sau thuế TNDN năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN;

Căn cứ Quyết định số 3665/QĐ-HĐQT ngày 28/12/2014 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN ban hành "Quy chế tài chính trong Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN";

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 144/NQ-VMC ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt phương án phân chi trả cổ tức và phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2020 như sau:

1. Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2020:	9.699.477.253 đồng
2. Trả cổ tức 10%/năm/Vốn điều lệ:	4.697.351.000 đồng
3. Phân chia các quỹ:	5.002.126.253 đồng
3.1. Trích Quỹ đầu tư phát triển 30%:	1.500.637.876 đồng
3.2. Trích Quỹ thưởng Viên chức quản lý bằng 1,5 tháng lương thực hiện của Người quản lý năm 2020:	260.125.000 đồng
3.3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	3.241.363.377 đồng,
trong đó: - Quỹ khen thưởng (80%):	2.593.090.702 đồng
- Quỹ phúc lợi (20%):	648.272.675 đồng.

Kính Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Website: WWW.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS (e-copy);
- BGĐ, KTT (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tứ

Số: 887 /TTr-VMC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối thù lao năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN ngày 17/4/2020;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phân phối thù lao 2020 và kế hoạch thù lao 2021 như sau:

1. Thực hiện năm 2020

1.1. Tiền lương của người quản lý Công ty.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Chức vụ	KH năm 2020	TH năm 2020
1	2	3	4	5
1	Phạm Minh Tuấn	Giám đốc	357.000.000	387.000.000
2	Lê Việt Sự	Phó Giám đốc	317.000.000	343.000.000
3	Bùi Xuân Hạnh	Phó Giám đốc	317.000.000	343.000.000
4	Tăng Bá Khang	Phó Giám đốc	317.000.000	343.000.000
5	Phạm Thu Hương	Kế toán trưởng	290.000.000	314.000.000
6	Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng BKS	331.000.000	359.000.000
	Tổng		1.929.000.000	2.089.000.000

Trong đó, tiền lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Số người	KH năm 2020	TH năm 2020
1	2	3	4	5
1	Trưởng BKS	01	331.000.000	359.000.000
	Tổng		331.000.000	359.000.000

Hình thức chi: VMC chi trả trực tiếp.

1.2. Thù lao của Thành viên HĐQT; Thành viên BKS không chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Số người	KH năm 2020	TH năm 2020 (Tăng thêm 1,3 theo mức lương thực hiện của Người quản lý năm 2020 đã được TĐ phê duyệt)
1	2	3	4	5
1	Chủ tịch HĐQT	1	61.680.000	80.184.000
2	Thành viên HĐQT	4	237.120.000	308.256.000
3	Thành viên BKS	2	105.120.000	136.656.000
	Cộng	7	403.920.000	525.096.000

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

- VMC chi trả trực tiếp thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VMC.

2. Kế hoạch năm 2021

2.1. Tiền lương của người quản lý Công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Chức vụ	Tiền lương tháng (KH năm 2021)	Tiền lương năm (KH năm 2021)
1	2	3	4	5
1	Phạm Minh Tuấn	Giám đốc	32.300.000	387.000.000
2	Lê Việt Sự	Phó Giám đốc	28.600.000	343.000.000
3	Bùi Xuân Hạnh	Phó Giám đốc	28.600.000	343.000.000
4	Tăng Bá Khang	Phó Giám đốc	28.600.000	343.000.000
5	Phạm Thu Hương	Kế toán trưởng	26.100.000	314.000.000
6	Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng BKS	29.900.000	359.000.000
	Tổng		174.100.000	2.089.000.000

2.1. Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Số người	Tiền lương tháng (KH năm 2021)	Tiền lương năm (KH năm 2021)
1	2	3	4	5
1	Trưởng BKS	01	29.900.000	359.000.000
	Tổng		29.900.000	359.000.000

2.2. Thù lao của Thành viên HĐQT; Thành viên BKS không chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

T T	Chức Danh	Tiền lương tháng	Số người	Tỷ lệ	Tiền thù lao tháng	Tổng tiền thù lao KH năm 2021
1	2	3	3		4	5
1	Chủ tịch HĐQT	25.700.000	1	20%	5.140.000	61.680.000
2	Thành viên HĐQT	24.700.000	4	20%	4.940.000	237.120.000
3	Thành viên BKS	21.900.000	2	20%	4.380.000	105.120.000
	Cộng	72.300.000	7			403.920.000

3. Phương thức chi trả:

Hàng tháng các thành viên HĐQT và BKS làm công tác kiêm nhiệm tại Công ty được thanh toán 80% mức thù lao cho tháng đó; số 20% còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Website: WWW.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS (e-copy);
- BGD, KTT (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tứ